

Số: 729 /QĐ-SYT

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nội dung, tài liệu ôn tập thi Phỏng vấn (vòng 2)
tại kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế
trực thuộc Sở Y tế năm 2019

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2017 của UBND Thành phố ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức tổ máy, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5020/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch xét tuyển viên chức vào làm việc tại các trạm y tế xã, phường, thị trấn thuộc các Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã và bác sỹ nội trú Bệnh viện, Thủ khoa xuất sắc làm việc tại các Bệnh viện tuyển Thành phố trực thuộc Sở Y tế Hà Nội năm 2019.

Căn cứ Kế hoạch số 4594/KH-SYT ngày 18/10/2019 của Sở Y tế về việc Tổ chức triển khai Quyết định số 5020/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-SYT ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Sở Y tế về việc thành lập Hội đồng Xét tuyển viên chức Sở Y tế năm 2019;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Y tế.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung, tài liệu ôn tập thi Phỏng vấn (vòng 2) tại kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc Sở Y tế năm 2019, cụ thể như sau:

- Nội dung, tài liệu ôn tập dành cho đối tượng dự tuyển vào chức danh nghề nghiệp hạng III (*Phụ lục số 01 kèm theo*).
- Nội dung, tài liệu ôn tập dành cho đối tượng dự tuyển vào chức danh nghề nghiệp hạng IV (*Phụ lục số 02 kèm theo*).

Điều 2. Giao Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội (thường trực website của Sở Y tế) công bố nội dung, tài liệu ôn tập thi Phỏng vấn (vòng 2) tại kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc Sở Y tế năm 2019;

Giao Giám đốc các đơn vị có chỉ tiêu xét tuyển công bố trên bảng tin chính, website (nếu có) của đơn vị và thông báo đến thí sinh dự tuyển vào đơn vị theo đúng yêu cầu.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2019 của Sở Y tế và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Sở Nội vụ (để báo cáo);
- Ban giám đốc Sở Y tế (để chỉ đạo);
- Ban giám sát tuyển dụng Sở Y tế (để thực hiện);
- Các đơn vị tuyển dụng (để thực hiện);
- Lưu VT, TCCB. (2)



Nguyễn Khắc Hiền

Phụ lục số 01**DANH MỤC NỘI DUNG TÀI LIỆU ÔN TẬP XÉT TUYỂN VÒNG 2 VIÊN CHỨC VÀO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Y TẾ CÔNG LẬP NĂM 2019****(Dành cho đối tượng dự xét tuyển vào chức danh nghề nghiệp viên chức Hạng III)***(Ban hành kèm theo Quyết định số 729/QĐ-SYT ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Sở Y tế)****I. Tài liệu ôn tập gồm có.*****Phần I - Luật viên chức và một số văn bản hướng dẫn thực hiện.**

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH 12 ngày 15/11/2010.
2. Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
3. Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Nghị định 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ qui định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức.

Phần II. Về Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân và chức năng, nhiệm vụ của Sở Y tế.

1. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân số 21-LCT/HĐNN8 ngày 30/6/1989;
2. Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Phần III. Quy chế chuyên môn.

1. Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;
2. Thông tư 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.

II. Nội dung ôn tập trọng tâm.

Phần I. Luật viên chức và một số văn bản hướng dẫn thực hiện.

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH 12 ngày 15/11/2010.

- Điều 2. Định nghĩa viên chức
- Điều 5. Các nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp của viên chức.
- Khoản 1 Điều 7. Vị trí việc làm
- Khoản 1 Điều 8. Chức danh nghề nghiệp
- Điều 11. Quyền của viên chức về hoạt động nghề nghiệp
- Điều 17. Nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp
- Điều 19. Những việc viên chức không được làm
- Khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 29. Viên chức đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc
- Khoản 1 Điều 31. Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.
- Điều 45. Chế độ thôi việc
- Điều 46. Chế độ hưu trí

2. Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

- Điều 3. Phân loại viên chức
- Điều 32. Mục tiêu, nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức
- Điều 38. Giải quyết thôi việc

3. Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Mục 11 Điều 2. Chế độ tập sự đối với viên chức
- Mục 15 Điều 2. Giải quyết thôi việc đối với viên chức

4. Nghị định 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ qui định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức.

- Điều 3. Nguyên tắc xử lý kỷ luật
- Điều 5. Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật
- Điều 6. Các trường hợp được miễn xử lý kỷ luật
- Điều 10. Hình thức kỷ luật khiển trách
- Điều 13. Hình thức kỷ luật buộc thôi việc

Phần II. Về Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân và chức năng, nhiệm vụ của Sở Y tế.

1. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân số 21-LCT/HĐNN8 ngày 30/6/1989;

- Điều 1. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ sức khoẻ.
- Điều 2. Nguyên tắc chỉ đạo công tác bảo vệ sức khỏe.
- Điều 3. Trách nhiệm của Nhà nước trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân.
- Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các đơn vị vũ trang nhân dân.
- Điều 5. Trách nhiệm của các tổ chức xã hội trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân.
- Điều 7. Vệ sinh lương thực, thực phẩm, các loại nước uống và rượu.
- Điều 8. Vệ sinh nước và các nguồn nước dùng trong sinh hoạt của nhân dân.
- Điều 9. Vệ sinh trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển và sử dụng hoá chất.
- Điều 13. Vệ sinh trong trường học và nhà trẻ.
- Điều 14. Vệ sinh trong lao động.
- Điều 15. Vệ sinh nơi công cộng.
- Điều 17. Phòng và chống các bệnh nhiễm khuẩn, bệnh dịch.
- Điều 18. Kiểm dịch.
- Điều 23. Quyền được khám bệnh và chữa bệnh.
- Điều 24. Điều kiện hành nghề của thầy thuốc.
- Điều 25. Trách nhiệm của thầy thuốc
- Điều 26. Giúp đỡ bảo vệ thầy thuốc và nhân viên y tế.
- Điều 27. Trách nhiệm của người bệnh.
- Điều 28. Chữa bệnh bằng phẫu thuật.
- Điều 35. Điều kiện hành nghề của lương y.
- Điều 36. Trách nhiệm của lương y.
- Điều 37. Giúp đỡ và bảo vệ lương y.
- Điều 43. Thực hiện kế hoạch hoá gia đình.
- Điều 46. Bảo vệ sức khoẻ trẻ em.
- Điều 52. Khen thưởng.
- Điều 53. Xử lý các vi phạm.

2. Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh .

- Điều 1. Vị trí và chức năng của Sở Y tế.
- Khoản 1, khoản 2 Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn về việc dự thảo các quyết định, chỉ thị, văn bản trình UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh.
- Khoản 5, khoản 6 Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Y tế về Truyền thông - Giáo dục sức khỏe; Y tế dự phòng.
- Khoản 7, khoản 8 Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Y tế về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; Y dược cổ truyền.
- Khoản 1, khoản 2 Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Lãnh đạo Sở Y tế; Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở Y tế.

Phần III. Quy chế chuyên môn.

1. Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

- Điều 54. Cấp cứu
- Điều 55. Chẩn đoán bệnh, chỉ định phương pháp điều trị và kê đơn thuốc.
- Điều 56. Hội chẩn.
- Điều 57. Điều trị ngoại trú
- Khoản 3,4,5,6 Điều 58. Điều trị nội trú.
- Khoản 3,4 Điều 59. Hồ sơ bệnh án.
- Điều 61. Thực hiện phẫu thuật, can thiệp ngoại khoa .
- Điều 60. Sử dụng thuốc trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có điều trị nội trú.
- Điều 36. Nghĩa vụ đối với người bệnh
- Điều 37. Nghĩa vụ đối với nghề nghiệp
- Điều 62. Kiểm soát nhiễm khuẩn trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
- Điều 63. Xử lý chất thải y tế.
- Điều 64. Giải quyết đối với người bệnh không có người nhận.
- Điều 65. Giải quyết đối với người bệnh tử vong.
- Điều 66. Bắt buộc chữa bệnh
- Điều 67. Trực khám bệnh, chữa bệnh.

- Từ Điều 7 đến Điều 13. Quyền của người bệnh;
- Từ Điều 14 đến Điều 16. Nghĩa vụ của người bệnh.
- Điều 3. Nguyên tắc trong hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
- Điều 4. Chính sách của Nhà nước về khám bệnh, chữa bệnh.

2. Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.

- Mục I. Phụ lục I. Hướng dẫn chẩn đoán phản vệ. Chẩn đoán phản vệ.
- Điều 4. Nguyên tắc dự phòng phản vệ.

III. Tài liệu tham khảo:

Yêu cầu các thí sinh nghiên cứu tài liệu gốc được các cơ quan có thẩm quyền ban hành để đảm bảo tính chính xác của nội dung ôn tập.

Phần I - Luật viên chức và một số văn bản hướng dẫn thực hiện.

Nội dung 1.

- **Định nghĩa Viên chức (Điều 2 của Luật viên chức):** Viên chức là công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

- **Các nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp của viên chức (Điều 5 Luật viên chức):**

1. Tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp.
2. Tận tụy phục vụ nhân dân.
3. Tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử.
4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và của nhân dân.

Nội dung 2.

- **Vị trí việc làm (Khoản 1 Điều 7 của Luật Viên chức):** Vị trí việc làm là công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng, là căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- **Chức danh nghề nghiệp (Khoản 1 Điều 8 của Luật Viên chức):** Chức danh nghề nghiệp là tên gọi thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức trong từng lĩnh vực nghề nghiệp.

Nội dung 3.**- Quyền của viên chức về hoạt động nghề nghiệp (Điều 11 của Luật Viên chức):**

1. Được pháp luật bảo vệ trong hoạt động nghề nghiệp.
2. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.
3. Được bảo đảm trang bị, thiết bị và các điều kiện làm việc.
4. Được cung cấp thông tin liên quan đến công việc hoặc nhiệm vụ được giao.
5. Được quyết định vấn đề mang tính chuyên môn gắn với công việc hoặc nhiệm vụ được giao.
6. Được quyền từ chối thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ trái với quy định của pháp luật.
7. Được hưởng các quyền khác về hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Nội dung 4.**- Nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp (Điều 17 của Luật Viên chức):**

1. Thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao bảo đảm yêu cầu về thời gian và chất lượng.
2. Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ.
3. Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền.
4. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ.
5. Khi phục vụ nhân dân, viên chức phải tuân thủ các quy định sau:
 - a) Có thái độ lịch sự, tôn trọng nhân dân;
 - b) Có tinh thần hợp tác, tác phong khiêm tốn;
 - c) Không hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân;
 - d) Chấp hành các quy định về đạo đức nghề nghiệp.
6. Chịu trách nhiệm về việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp.
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Nội dung 5.**Những việc viên chức không được làm (Điều 19 của Luật Viên chức):**

1. Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác công việc hoặc nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc; tham gia đình công;
2. Sử dụng tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và của nhân dân trái với quy định của pháp luật.
3. Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức.
4. Lợi dụng hoạt động nghề nghiệp để tuyên truyền chống lại chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc gây phương hại đối với thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân và xã hội.
5. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp.
6. Những việc khác viên chức không được làm theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Nội dung 6.**Viên chức đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc (Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 29 của Luật Viên chức):**

1. Viên chức làm việc theo hợp đồng làm việc không xác định thời hạn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập biết trước ít nhất 45 ngày; trường hợp viên chức ốm đau hoặc bị tai nạn đã điều trị 06 tháng liên tục thì phải báo trước ít nhất 03 ngày.
2. Viên chức làm việc theo hợp đồng làm việc xác định thời hạn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:
 - a) Không được bố trí theo đúng vị trí việc làm, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm các điều kiện làm việc đã thỏa thuận trong hợp đồng làm việc;

- b) Không được trả lương đầy đủ hoặc không được trả lương đúng thời hạn theo hợp đồng làm việc;
- c) Bị ngược đãi; bị cưỡng bức lao động;
- d) Bản thân hoặc gia đình thật sự có hoàn cảnh khó khăn không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng;
- đ) Viên chức nữ có thai phải nghỉ việc theo chỉ định của cơ sở chữa bệnh;
- e) Viên chức ốm đau hoặc bị tai nạn đã điều trị từ 03 tháng liên tục mà khả năng làm việc chưa hồi phục.

3. Viên chức phải thông báo bằng văn bản về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập biết trước ít nhất 03 ngày đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, đ và e khoản 5 Điều này; ít nhất 30 ngày đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 5 Điều này.

- Nguyên tắc việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (Khoản 1 Điều 31 của Luật Viên chức):

- a) Làm việc ở vị trí việc làm nào thì bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm đó;
- b) Người được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp nào thì phải có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp đó.

Nội dung 7.

- Chế độ thôi việc (Điều 45 của Luật Viên chức):

1. Khi chấm dứt hợp đồng làm việc, viên chức được hưởng trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm hoặc chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về bảo hiểm xã hội, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Viên chức không được hưởng trợ cấp thôi việc nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Bị buộc thôi việc;
- b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc mà vi phạm quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều 29 của Luật Viên chức;

c) Chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Luật Viên chức.

- Chế độ hưu trí (Điều 46 của Luật Viên chức):

1. Viên chức được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Trước 06 tháng, tính đến ngày viên chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức phải thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu; trước 03 tháng, tính đến ngày viên chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức ra quyết định nghỉ hưu.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập có thể ký hợp đồng vụ, việc với người hưởng chế độ hưu trí nếu đơn vị có nhu cầu và người hưởng chế độ hưu trí có nguyện vọng; trong thời gian hợp đồng, ngoài khoản thù lao theo hợp đồng, người đó được hưởng một số chế độ, chính sách cụ thể về cơ chế quản lý, bảo đảm điều kiện cho hoạt động chuyên môn do Chính phủ quy định.

Nội dung 8. Phân loại viên chức (Điều 3 Nghị định 29/2012/NĐ-CP):

1. Theo vị trí việc làm, viên chức được phân loại như sau:

a) Viên chức quản lý bao gồm những người quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật Viên chức (*Viên chức quản lý* là người được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý có thời hạn, chịu trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện một hoặc một số công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập nhưng không phải là công chức và được hưởng phụ cấp chức vụ quản lý);

b) Viên chức không giữ chức vụ quản lý bao gồm những người chỉ thực hiện chuyên môn nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Theo chức danh nghề nghiệp, viên chức được phân loại trong từng lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp với các cấp độ từ cao xuống thấp như sau:

- a) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I;
- b) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II;
- c) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng III;
- d) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV.

Phụ lục 01 – Tài liệu ôn tập dự xét tuyển vào CDNN hạng III

Nội dung 9. Mục tiêu, nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức (Điều 32 của Nghị định 29/2012/NĐ-CP):

1. Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng:

a) Cập nhật kiến thức, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng và phương pháp thực hiện nhiệm vụ được giao;

b) Đào tạo góp phần xây dựng đội ngũ viên chức có đạo đức nghề nghiệp, có đủ trình độ và năng lực chuyên môn đảm bảo chất lượng của hoạt động nghề nghiệp.

2. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng:

a) Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Bảo đảm tính tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng;

c) Khuyến khích viên chức học tập, nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ;

d) Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

Nội dung 10. Giải quyết thôi việc (Điều 38 của Nghị định 29/2012/NĐ-CP):

1. Viên chức được giải quyết thôi việc trong các trường hợp sau:

a) Viên chức có đơn tự nguyện xin thôi việc được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản;

b) Viên chức đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 29 Luật Viên chức;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với viên chức khi có một trong các trường hợp quy định tại Điểm c, Điểm d và Điểm đ Khoản 1 Điều 29 Luật Viên chức.

2. Viên chức chưa được giải quyết thôi việc nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đang bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Chưa làm việc đủ thời gian cam kết với đơn vị sự nghiệp công lập khi được cử đi đào tạo hoặc khi được xét tuyển;

c) Chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Do yêu cầu công tác và chưa bố trí được người thay thế.

Nội dung 11.

- Sửa đổi bổ sung khoản 2, khoản 3, bổ sung khoản 5 Điều 20 Nghị định 29/2012/NĐ-CP (Mục 11 Điều 2 Nghị định 161/2018/NĐ-CP):

1. Thời gian tập sự được quy định như sau:

a) 12 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo đại học. Riêng đối với chức danh nghề nghiệp bậc sĩ là 09 tháng;

b) 09 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo cao đẳng;

c) 06 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo trung cấp.

2. Thời gian nghỉ sinh con theo chế độ bảo hiểm xã hội, thời gian nghỉ ốm đau từ 14 ngày trở lên, thời gian nghỉ không hưởng lương, thời gian bị tạm giam, tạm giữ, tạm đình chỉ công tác theo quy định của pháp luật không được tính vào thời gian tập sự.

3. Không thực hiện chế độ tập sự đối với các trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật, được bố trí làm việc theo đúng ngành, nghề đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm mà thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu đứt quãng thì được cộng dồn) bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự quy định tại khoản 2 Điều này.”

- Sửa đổi bổ sung khoản 4 Điều 38 (Mục 12 Điều 2 Nghị định 161/2018/NĐ-CP)

“Điều 38. Giải quyết thôi việc đối với viên chức

4. Không thực hiện chế độ thôi việc đối với các trường hợp sau:

a) Viên chức được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong hệ thống chính trị;

b) Viên chức đã có thông báo nghỉ hưu hoặc thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo quy định của pháp luật.”

Nội dung 12. Nguyên tắc xử lý kỷ luật (Điều 3 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

1. Khách quan, công bằng, nghiêm minh, đúng pháp luật.

2. Mỗi hành vi vi phạm pháp luật chỉ bị xử lý một hình thức kỷ luật. Nếu viên chức có nhiều hành vi vi phạm pháp luật hoặc tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian đang thi hành quyết định kỷ luật thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi vi phạm pháp luật và chịu hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng với hành vi vi phạm nặng nhất, trừ trường hợp có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc.

3. Thái độ tiếp thu, sửa chữa và chủ động khắc phục hậu quả của viên chức có hành vi vi phạm pháp luật là yếu tố xem xét tăng nặng hoặc giảm nhẹ khi áp dụng hình thức kỷ luật.

4. Thời gian chưa xem xét xử lý kỷ luật đối với viên chức trong các trường hợp quy định tại Điều 5 Nghị định này không tính vào thời hạn xử lý kỷ luật.

5. Không áp dụng hình thức xử phạt hành chính thay cho hình thức kỷ luật.

6. Cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của viên chức trong quá trình xử lý kỷ luật.

Nội dung 13.

- Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật (Điều 5 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

1. Đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cho phép;

2. Đang trong thời gian điều trị, chữa bệnh có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

3. Viên chức nữ đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi;

4. Đang bị tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

- Các trường hợp được miễn xử lý kỷ luật (Điều 6 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

1. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi vi phạm pháp luật;

2. Được cấp có thẩm quyền xác nhận có hành vi vi phạm pháp luật trong tình thế bất khả kháng khi thực hiện công việc, nhiệm vụ.

Nội dung 14. Hình thức kỷ luật Khiển trách áp dụng đối với viên chức có hành vi vi phạm pháp luật nào (Điều 10 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với viên chức có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

1. Vi phạm các quy định, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập đã được người có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

2. Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp, đã được người có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

3. Không chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền hoặc không thực hiện công việc, nhiệm vụ đã cam kết trong hợp đồng làm việc mà không có lý do chính đáng;

4. Có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân trong quá trình thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao;

5. Gây mất đoàn kết trong đơn vị;

6. Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 03 đến dưới 05 ngày làm việc trong một tháng được tính trong tháng dương lịch hoặc từ 03 đến dưới 05 ngày làm việc liên tiếp, mà không có lý do chính đáng;

7. Sử dụng tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập và của nhân dân trái với quy định của pháp luật.

8. Vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ luật lao động; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định khác của pháp luật liên quan đến viên chức.

Nội dung 15. Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với viên chức có hành vi vi phạm pháp luật nào (Điều 13 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với viên chức có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

1. Bị phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng;

2. Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng;

3. Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được tuyển dụng vào đơn vị sự nghiệp công lập;

4. Nghiện ma túy có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

5. Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 07 ngày làm việc trở lên trong một tháng hoặc từ 20 ngày làm việc trở lên trong một năm mà không có lý do chính đáng được tính trong tháng dương lịch; năm dương lịch;

6. Vi phạm ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự; quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ luật lao động; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định khác của pháp luật liên quan đến viên chức.

III. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân và chức năng nhiệm vụ của Sở Y tế.

Nội dung 1. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ sức khỏe. Nguyên tắc chỉ đạo công tác bảo vệ sức khỏe (Điều 1, 2 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

- Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ sức khỏe (Điều 1 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

1. Công dân có quyền được bảo vệ sức khỏe, nghỉ ngơi, giải trí, rèn luyện thân thể; được bảo đảm vệ sinh trong lao động, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường sống và được phục vụ về chuyên môn y tế.

2. Bảo vệ sức khỏe là sự nghiệp của toàn dân. Tất cả công dân có nghĩa vụ thực hiện nghiêm chỉnh những quy định của pháp luật về bảo vệ sức khỏe nhân dân để giữ gìn sức khỏe cho mình và cho mọi người.

- Nguyên tắc chỉ đạo công tác bảo vệ sức khỏe (Điều 2 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục vệ sinh trong nhân dân; tiến hành các biện pháp dự phòng, cải tạo và làm sạch môi trường sống; bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh lao động, vệ sinh lương thực, thực phẩm và nước uống theo quy định của Hội đồng bộ trưởng.

2. Mở rộng mạng lưới nhà nghỉ, nhà điều dưỡng, cơ sở tập luyện thể dục thể thao; kết hợp lao động, học tập với nghỉ ngơi và giải trí; phát triển thể dục thể thao quần chúng để duy trì và phục hồi khả năng lao động.

3. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng và phát triển mạng lưới phòng, chống dịch, khám bệnh, chữa bệnh; kết hợp phát triển hệ thống y tế Nhà nước với y tế tập thể và y tế tư nhân.

4. Xây dựng nền y học Việt Nam kế thừa và phát triển nền y học, dược học cổ truyền dân tộc; kết hợp y học, dược học hiện đại với y học, dược học cổ truyền dân tộc, nghiên cứu và ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật của y học thế giới vào thực tiễn Việt Nam, xây dựng các mũi nhọn khoa học y học, dược học Việt Nam.

Nội dung 2. Trách nhiệm của Nhà nước trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân (Điều 3 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

1. Nhà nước chăm lo bảo vệ và tăng cường sức khoẻ nhân dân; đưa công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Nhà nước; quyết định những chế độ chính sách, biện pháp để bảo vệ và tăng cường sức khoẻ nhân dân.

2. Bộ y tế có trách nhiệm quản lý, hoàn thiện, nâng cao chất lượng và phát triển hệ thống phòng bệnh, chống dịch, khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, lưu thông thuốc và thiết bị y tế, kiểm tra việc thực hiện các quy định về chuyên môn nghiệp vụ y, dược.

3. Hội đồng nhân dân các cấp dành tỷ lệ ngân sách thích đáng cho công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân ở địa phương; thường xuyên giám sát, kiểm tra việc tuân theo pháp luật về bảo vệ sức khoẻ nhân dân của Uỷ ban nhân dân cùng cấp, của các cơ quan, các tổ chức xã hội, cơ sở sản xuất, kinh doanh của Nhà nước, tập thể, tư nhân và mọi công dân trong địa phương. Uỷ ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để bảo đảm vệ sinh ăn, ở, sinh hoạt, vệ sinh công cộng cho nhân dân trong địa phương; lãnh đạo các cơ quan y tế trực thuộc, chỉ đạo sự phối hợp giữa các ngành, các tổ chức xã hội trong địa phương để thực hiện những quy định của pháp luật về bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

Nội dung 3. Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các đơn vị vũ trang nhân dân. Trách nhiệm của các tổ chức xã hội trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân (Điều 4, 5 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

- Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các đơn vị vũ trang nhân dân (Điều 4 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

Các cơ quan Nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh của Nhà nước, các đơn vị vũ trang nhân dân (gọi chung là các tổ chức Nhà nước), các cơ sở sản xuất, kinh doanh của tập thể và tư nhân có trách nhiệm trực tiếp chăm lo, bảo vệ, tăng cường sức khoẻ của những thành viên trong cơ quan, đơn vị mình và đóng góp tiền của, công sức theo khả năng cho công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

- Trách nhiệm của các tổ chức xã hội (Điều 5 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Tổng hội y dược học Việt Nam, Hội y học cổ truyền dân tộc Việt Nam và các tổ chức xã hội khác động viên, giáo dục các thành viên trong tổ chức thực hiện những quy định của pháp luật về bảo vệ sức khoẻ nhân dân và tham gia tích cực vào sự nghiệp bảo vệ sức khoẻ nhân dân trong phạm vi điều lệ của tổ chức mình.

2. Hội chữ thập đỏ Việt Nam tuyên truyền, phổ biến những kiến thức y học thường thức cho hội viên và nhân dân, vận động nhân dân thực hiện các biện pháp giữ gìn sức khoẻ cho bản thân và cho mọi người, hiến máu cứu người; tổ chức cứu trợ nhân dân khi có tai nạn, thiên tai, dịch bệnh và chiến tranh xảy ra.

Nội dung 4. Vệ sinh lương thực, thực phẩm, các loại nước uống và rượu. Vệ sinh nước và các nguồn nước dùng trong sinh hoạt của nhân dân. Vệ sinh trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển và sử dụng hoá chất (Điều 7, 8, 9 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

- Vệ sinh lương thực, thực phẩm, các loại nước uống và rượu (Điều 7 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

1. Các tổ chức Nhà nước, tập thể, tư nhân khi sản xuất, chế biến, bao bì đóng gói, bảo quản, vận chuyển lương thực, thực phẩm, các loại nước uống và rượu phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh. Khi đưa các hoá chất mới, nguyên liệu mới hoặc các chất phụ gia mới vào chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm, các loại nước uống, rượu và sản phẩm các loại bao bì đóng gói phải được phép của Sở y tế.

2. Nghiêm cấm sản xuất, lưu thông, xuất khẩu, nhập khẩu những mặt hàng lương thực, thực phẩm, các loại nước uống và rượu không bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh.

3. Người đang mắc bệnh truyền nhiễm không được làm những công việc có liên quan trực tiếp đến thực phẩm, các loại nước uống và rượu.

- Vệ sinh nước và các nguồn nước dùng trong sinh hoạt của nhân dân (Điều 8 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

1. Các cơ quan, xí nghiệp cấp nước phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh nước dùng trong sinh hoạt của nhân dân.

2. Nghiêm cấm các tổ chức Nhà nước, tập thể, tư nhân và mọi công dân làm ô nhiễm các nguồn nước dùng trong sinh hoạt của nhân dân.

- Vệ sinh trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển và sử dụng hoá chất (Điều 9 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

1. Các tổ chức Nhà nước, tập thể, tư nhân và mọi công dân khi sản xuất, bảo quản, vận chuyển, sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu, diệt cỏ, diệt chuột, hoá chất kích thích sinh trưởng vật nuôi, cây trồng và các loại hoá chất khác phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh, không gây nguy hại đến sức khoẻ con người.

2. Các cơ sở sản xuất mỹ phẩm, đồ chơi trẻ em, đồ dùng vệ sinh cá nhân bằng hoá chất phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh.

Nội dung 5. Vệ sinh trong trường học và nhà trẻ. Vệ sinh trong lao động. Vệ sinh nơi công cộng (Điều 13, 14, 15 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

- Vệ sinh trong trường học và nhà trẻ (Điều 13 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, ngành giáo dục và các ngành có liên quan phải từng bước bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, ánh sáng, đồ dùng giảng dạy, học tập ở trường học và nhà trẻ, không làm ảnh hưởng đến sức khoẻ của học sinh và giáo viên.

2. Hiệu trưởng các trường học và Chủ nhiệm các nhà trẻ phải bảo đảm thực hiện chương trình học tập rèn luyện đã được quy định; bảo đảm vệ sinh trường, lớp và nhà trẻ.

- Vệ sinh trong lao động (Điều 14 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

1. Các tổ chức Nhà nước, tập thể và tư nhân phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh về độ nóng, ẩm, khói, bụi, tiếng ồn, rung chuyển và về các yếu tố độc hại khác trong lao động sản xuất để bảo vệ sức khoẻ, phòng, chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh.

2. Đơn vị và cá nhân sử dụng lao động phải tổ chức việc khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động và phải phải bảo đảm trang bị bảo hộ lao động cần thiết cho người lao động.

- Vệ sinh nơi công cộng (Điều 15 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

1. Mọi người phải có trách nhiệm thực hiện những quy định về vệ sinh nơi công cộng.

2. Cấm phóng uế, vứt rác và các chất phế thải khác trên đường phố, vườn hoa, công viên và những nơi công cộng khác.

3. Cấm hút thuốc trong phòng họp, ở rạp chiếu bóng, rạp hát và những nơi quy định khác.

Nội dung 6. Phòng và chống các bệnh nhiễm khuẩn, bệnh dịch. Kiểm dịch (Điều 17, 18 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

- Phòng và chống các bệnh nhiễm khuẩn, bệnh dịch (Điều 17 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

1. Y tế cơ sở phải tổ chức tiêm chủng các loại vắc xin phòng bệnh cho nhân dân.

2. Các tổ chức Nhà nước, tập thể, tư nhân và mọi công dân phải thực hiện các biện pháp phòng, chống các bệnh nhiễm khuẩn, bệnh dịch. Khi phát hiện có bệnh dịch hoặc nghi có bệnh dịch trong đơn vị, địa phương, cơ quan y tế phải báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan y tế cấp trên.

3. Ủy ban nhân dân các cấp phải bảo đảm công tác phòng dịch, chống dịch tại địa phương.

4. Căn cứ vào tính chất nguy hiểm, mức độ lây lan của từng vụ dịch, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, Bộ trưởng Bộ y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có quyền áp dụng những biện pháp đặc biệt để nhanh chóng dập tắt dịch.

- Kiểm dịch (Điều 18 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

1. Động vật, thực vật, phương tiện vận chuyển hàng hoá ra vào biên giới và quá cảnh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều phải được kiểm dịch.

2. Động vật, thực vật, phương tiện vận chuyển, hàng hoá và bưu phẩm từ vùng có dịch chuyển ra vùng không có dịch đều phải được kiểm dịch tại các đầu mối giao thông và bưu điện.

Nội dung 7. Quyền được khám bệnh và chữa bệnh. Điều kiện hành nghề của thầy thuốc. Trách nhiệm của thầy thuốc (Điều 23, 24, 25 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

- Quyền được khám bệnh và chữa bệnh (Điều 23 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

1. Mọi người khi ốm đau, bệnh tật, bị tai nạn được khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ở nơi công dân cư trú, lao động, học tập.

Người bệnh còn được chọn thầy thuốc hoặc lương y, chọn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và ra nước ngoài để khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Hội đồng bộ trưởng.

2. Trong trường hợp cấp cứu, người bệnh được cấp cứu tại bất kỳ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nào. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải tiếp nhận và xử trí mọi trường hợp cấp cứu.

- Điều kiện hành nghề của thầy thuốc (Điều 24 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

Người có bằng tốt nghiệp y khoa ở các trường đại học hoặc trung học và có giấy phép hành nghề do Bộ y tế hoặc Sở y tế cấp được khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế Nhà nước, tập thể, tư nhân.

- Trách nhiệm của thầy thuốc (Điều 25 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

1. Thầy thuốc có nghĩa vụ khám bệnh chữa bệnh, kê đơn và hướng dẫn cách phòng bệnh, tự chữa bệnh cho người bệnh; phải giữ bí mật về những điều có liên quan đến bệnh tật hoặc đời tư mà mình được biết về người bệnh.

2. Thầy thuốc phải có y đức, có tinh thần trách nhiệm, tận tình cứu chữa người bệnh; chấp hành nghiêm chỉnh các quy định chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật y tế; chỉ sử dụng những phương pháp, phương tiện, dược phẩm được Bộ y tế cho phép.

3. Nghiêm cấm hành vi vô trách nhiệm trong cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh làm tổn hại đến sức khoẻ, tính mạng, danh dự, nhân phẩm của người bệnh.

Nội dung 8. Giúp đỡ bảo vệ thầy thuốc và nhân viên y tế. Trách nhiệm của người bệnh. Chữa bệnh bằng phẫu thuật (Điều 26, 27, 28 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

- Điều 26. Giúp đỡ bảo vệ thầy thuốc và nhân viên y tế. (Điều 26 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

1. Mọi tổ chức và công dân có trách nhiệm giúp đỡ, bảo vệ thầy thuốc và nhân viên y tế khi họ làm nhiệm vụ.

2. Trong trường hợp khẩn cấp để đưa người bệnh hay người bị tai nạn đến cơ sở cấp cứu, thầy thuốc, nhân viên y tế được quyền sử dụng các phương tiện vận chuyển có mặt tại chỗ. Người điều khiển phương tiện phải thực hiện yêu cầu của người thầy thuốc và nhân viên y tế.

3. Nghiêm cấm hành vi làm tổn hại đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm của thầy thuốc và nhân viên y tế trong khi đang làm nhiệm vụ.

- Trách nhiệm của người bệnh (Điều 27 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

1. Người bệnh có trách nhiệm tôn trọng thầy thuốc và nhân viên y tế; chấp hành những quy định trong khám bệnh, chữa bệnh.

2. Người bệnh phải trả một phần chi phí y tế. Hội đồng bộ trưởng quy định chế độ thu chi phí y tế.

- Chữa bệnh bằng phẫu thuật (Điều 28 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

Thầy thuốc chỉ tiến hành phẫu thuật sau khi được sự đồng ý của người bệnh. Đối với người bệnh chưa thành niên, người bệnh đang bị hôn mê hay mắc bệnh tâm thần thì phải được sự đồng ý của thân nhân hoặc người giám hộ của người bệnh. Trong trường hợp mà thân nhân hay người giám hộ của người bệnh không đồng ý hoặc thân nhân hay người giám hộ vắng mặt, nếu không kịp thời phẫu thuật có thể nguy hại đến tính mạng người bệnh, thì thầy thuốc được quyền quyết định, nhưng phải có sự phê chuẩn của người phụ trách hay người được uỷ quyền của cơ sở y tế đó.

Nội dung 9. Điều kiện hành nghề của lương y. Trách nhiệm của lương y. Giúp đỡ và bảo vệ lương y (Điều 35, 36, 37 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

- Điều kiện hành nghề của lương y (Điều 35 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

Người đã tốt nghiệp ở các trường, lớp hoặc được gia truyền về y học, dược học cổ truyền dân tộc, chữa bệnh bằng các phương pháp y học cổ truyền dân tộc hoặc bằng các bài thuốc gia truyền và có giấy phép hành nghề do Bộ y tế hoặc Sở y tế cấp được khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế Nhà nước, tập thể và tư nhân.

- Trách nhiệm của lương y (Điều 36 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

1. Lương y có nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh và hướng dẫn cách phòng bệnh, tự chữa bệnh cho người bệnh; phải có y đức, có tinh thần trách nhiệm tận tình cứu chữa người bệnh.

2. Những bài thuốc mới, phương pháp chữa bệnh mới phải được Bộ y tế hoặc Sở y tế cùng với Hội y học cổ truyền dân tộc cùng cấp kiểm tra xác nhận mới được áp dụng vào khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân.

3. Nghiêm cấm việc sử dụng các hình thức mê tín trong khám bệnh, chữa bệnh.

- Giúp đỡ và bảo vệ lương y (Điều 37 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

1. Nhà nước bảo đảm quyền tác giả cho lương y về việc phổ biến những bài thuốc, vị thuốc và dược liệu quý, phương pháp chữa bệnh gia truyền có hiệu quả của mình.

2. Mọi người có trách nhiệm giúp đỡ và bảo vệ lương y cũng như đối với thầy thuốc theo quy định tại Điều 26 của Luật này.

Nội dung 10. Thực hiện kế hoạch hoá gia đình. Bảo vệ sức khoẻ trẻ em (Điều 43, 46 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

- Thực hiện kế hoạch hoá gia đình (Điều 43 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

1. Mọi người có trách nhiệm thực hiện kế hoạch hoá gia đình, có quyền lựa chọn biện pháp sinh đẻ có kế hoạch theo nguyện vọng. Mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ một đến hai con.

2. Nhà nước có chính sách, biện pháp khuyến khích và tạo điều kiện cần thiết cho mọi người thực hiện kế hoạch hoá gia đình. Các cơ sở chuyên khoa phụ sản của Nhà nước, tập thể và tư nhân phải thực hiện yêu cầu của mọi người về việc lựa chọn biện pháp sinh đẻ có kế hoạch theo nguyện vọng.

3. Các cơ quan y tế, văn hoá, giáo dục, thông tin đại chúng và các tổ chức xã hội có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục kiến thức về dân số và kế hoạch hoá gia đình cho nhân dân.

4. Nghiêm cấm hành vi gây trở ngại hoặc cưỡng bức trong việc thực hiện kế hoạch hoá gia đình.

- Bảo vệ sức khoẻ trẻ em (Điều 37 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

1. Trẻ em được y tế cơ sở quản lý sức khoẻ, được tiêm chủng phòng bệnh, phòng dịch, được khám bệnh, chữa bệnh.

2. Ngành y tế có trách nhiệm phát triển, củng cố mạng lưới chăm sóc bảo vệ sức khoẻ trẻ em.

3. Cha mẹ, người nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm thực hiện những quy định về kiểm tra sức khoẻ và tiêm chủng theo kế hoạch của y tế cơ sở, chăm lo trẻ em khi đau ốm và thực hiện các quyết định của người thầy thuốc trong khám bệnh, chữa bệnh đối với trẻ em.

Nội dung 11. Khen thưởng. Xử lý các vi phạm (Điều 52, 53 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

- Khen thưởng (Điều 52 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

Địa phương, đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân được Nhà nước khen thưởng vật chất và tinh thần.

Thầy thuốc, lương y, dược sĩ và nhân viên y tế khác có nhiều cống hiến trong sự nghiệp bảo vệ sức khoẻ nhân dân, có trình độ nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật giỏi, có đạo đức, được nhân dân và đồng nghiệp tín nhiệm thì được xét tặng danh hiệu cao quý của Nhà nước.

- Xử lý các vi phạm (Điều 53 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

Người nào có những hành vi sau đây thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng sẽ bị xử lý kỷ luật, bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

1. Vi phạm các quy định về giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, phòng và chống dịch, bệnh.

2. Vi phạm các quy định về khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất thuốc và bán thuốc.

3. Vi phạm các quy định về vệ sinh lương thực, thực phẩm, vệ sinh lao động và các quy định khác của Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Ngoài những hình thức xử lý nói trên, người nào có hành vi vi phạm quy định tại các điểm 1, 2, 3 của Điều này nếu gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng, tài sản của người khác thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Nội dung 12. Vị trí và chức năng của Sở Y tế. Nhiệm vụ và quyền hạn về việc dự thảo các quyết định, chỉ thị, văn bản trình UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh (Điều 1, Khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).

- Vị trí và chức năng (Điều 1 Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).

1. Sở Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về y tế, bao gồm: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y dược cổ truyền; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số - kế hoạch hóa gia đình; sức khỏe sinh sản và công tác y tế khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Sở Y tế có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Y tế.

- Nhiệm vụ và quyền hạn (Khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hàng năm; chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải

cách hành chính và văn bản khác thuộc phạm vi thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong lĩnh vực y tế;

b) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế;

c) Dự thảo văn bản quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với cấp Trưởng, Phó các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Y tế; Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị cá biệt và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về lĩnh vực y tế ở địa phương;

b) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức, cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Y tế theo quy định của pháp luật;

c) Dự thảo các văn bản quy định mối quan hệ giữa Sở Y tế với các Sở, ban, ngành, cơ quan thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác y tế ở địa phương; giữa Phòng Y tế với các đơn vị, tổ chức có liên quan về công tác y tế trên địa bàn huyện;

d) Dự thảo chương trình, giải pháp huy động, phối hợp liên ngành trong phòng, chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, dân số - kế hoạch hóa gia đình và công tác y tế khác ở địa phương.

Nội dung 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Y tế về Truyền thông - Giáo dục sức khỏe; Y tế dự phòng (Khoản 5 và khoản 6 Điều 2 Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).

5. Về truyền thông, giáo dục sức khỏe:

- a) Tổ chức triển khai thực hiện công tác truyền thông, giáo dục nâng cao sức khỏe;
- b) Làm đầu mối cung cấp thông tin cho báo chí, người dân về công tác y tế ở địa phương.

6. Về y tế dự phòng:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, đánh giá việc thực hiện quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phòng, chống bệnh truyền nhiễm; HIV/AIDS; dự phòng và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện; bệnh không lây nhiễm; bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; sức khỏe môi trường, sức khỏe trường học, vệ sinh và sức khỏe lao động; dinh dưỡng cộng đồng; kiểm dịch y tế biên giới; hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo, tổ chức giám sát bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân, phát hiện sớm và xử lý các bệnh truyền nhiễm gây dịch; thực hiện thông báo tình hình dịch theo quy định của pháp luật; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc công bố dịch và hết dịch theo quy định của pháp luật;

c) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc tiêm chủng vắc xin và sử dụng sinh phẩm y tế cho các đối tượng theo quy định của pháp luật; tổ chức tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận an toàn sinh học đối với các phòng xét nghiệm theo quy định của pháp luật;

đ) Làm đầu mối về công tác phòng chống tác hại của thuốc lá, phòng chống tác hại của lạm dụng rượu, bia và đồ uống có cồn trên địa bàn tỉnh;

e) Thường trực Ban Chỉ đạo phòng chống dịch, phòng chống HIV/AIDS của tỉnh.

Nội dung 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Y tế về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; Y dược cổ truyền (Khoản 7 và khoản 8 Điều 2 Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban

nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).

7. Về khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, giám định y khoa, giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần theo phân cấp quản lý và theo phân tuyến kỹ thuật;

b) Cấp, cấp lại, đình chỉ, thu hồi chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cấp, cấp lại, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật;

c) Cho phép các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh áp dụng các kỹ thuật mới, phương pháp mới theo quy định của pháp luật.

8. Về y dược cổ truyền:

a) Tổ chức thực hiện việc kế thừa, phát huy, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại trong phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, đào tạo cán bộ, nghiên cứu khoa học và sản xuất thuốc y dược cổ truyền tại địa phương;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng bằng y dược cổ truyền trên địa bàn tỉnh theo phân cấp;

c) Cấp, cấp lại, đình chỉ, thu hồi chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền và cấp, cấp lại, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền theo quy định của pháp luật.

Nội dung 15. Cơ cấu tổ chức của Lãnh đạo Sở Y tế; Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở Y tế (Khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).

1. Lãnh đạo Sở Y tế:

a) Sở Y tế có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc;

b) Giám đốc Sở Y tế là người đứng đầu Sở Y tế, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ trưởng Bộ Y tế; báo cáo trước Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

c) Phó Giám đốc Sở Y tế là người giúp Giám đốc Sở Y tế chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở Y tế vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở Y tế được Giám đốc Sở Y tế ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở;

d) Việc bổ nhiệm Giám đốc Sở Y tế và Phó Giám đốc Sở Y tế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo tiêu chuẩn chức danh được Bộ Y tế ban hành và theo quy định của pháp luật. Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Y tế không kiêm nhiệm chức danh Trưởng của đơn vị cấp dưới có tư cách pháp nhân (trừ trường hợp văn bản có giá trị pháp lý cao hơn quy định khác);

e) Giám đốc Sở Y tế quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, theo tiêu chuẩn chức danh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

2. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở Y tế:

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Phòng Tổ chức cán bộ;
- d) Phòng Nghiệp vụ Y;
- đ) Phòng Nghiệp vụ Dược;
- e) Phòng Kế hoạch - Tài chính.

Căn cứ vào tính chất, đặc điểm, yêu cầu quản lý của từng địa phương, Giám đốc Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Phòng Quản lý hành nghề y dược tư nhân hoặc tổ chức có tên gọi khác, bảo đảm bao quát hết các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý. Số lượng tổ chức thuộc Sở Y tế không quá 07 phòng.

Phần III. Quy chế chuyên môn.

Nội dung 1. Cấp cứu và hội chẩn (Điều 54 và 56 Luật khám bệnh, chữa bệnh).

- Cấp cứu (Điều 54 Luật khám bệnh, chữa bệnh).

1. Các hình thức cấp cứu bao gồm:

- a) Cấp cứu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
- b) Cấp cứu ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Khi việc cấp cứu vượt quá khả năng chuyên môn thì tùy từng trường hợp cụ thể, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải thực hiện một hoặc một số hoạt động sau đây:

- a) Tổ chức hội chẩn theo quy định tại Điều 56 của Luật này;
- b) Mời cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác đến hỗ trợ cấp cứu;
- c) Chuyển người bệnh cấp cứu đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phù hợp.

3. Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm ưu tiên mọi điều kiện về nhân lực và phương tiện tốt nhất cho việc cấp cứu người bệnh.

- Hội chẩn (Điều 56 Luật khám bệnh, chữa bệnh).

1. Việc hội chẩn được thực hiện khi bệnh vượt quá khả năng chẩn đoán và điều trị của người hành nghề hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc đã điều trị nhưng bệnh không có tiến triển tốt hoặc có diễn biến xấu đi.

2. Các hình thức hội chẩn bao gồm:

- a) Hội chẩn khoa;
- b) Hội chẩn liên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
- c) Hội chẩn qua tham khảo ý kiến chuyên gia;
- đ) Hội chẩn từ xa bằng công nghệ thông tin;
- e) Hội chẩn khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Nội dung 2. Điều trị ngoại trú (57 Luật khám bệnh, chữa bệnh).

1. Điều trị ngoại trú được thực hiện trong trường hợp sau đây:

- a) Người bệnh không cần điều trị nội trú;
- b) Người bệnh sau khi đã điều trị nội trú ổn định nhưng phải theo dõi và điều trị tiếp sau khi ra khỏi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Sau khi quyết định người bệnh phải điều trị ngoại trú, người hành nghề có trách nhiệm sau đây:

a) Lập hồ sơ bệnh án ngoại trú theo quy định tại Điều 59 của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

b) Ghi sổ y bạ theo dõi điều trị ngoại trú trong đó ghi rõ thông tin cá nhân của người bệnh, chẩn đoán, chỉ định điều trị, kê đơn thuốc và thời gian khám lại.

Nội dung 3. Điều trị nội trú (Khoản 3,4,5,6 Điều 58 Luật khám bệnh, chữa bệnh).

3. Thủ tục điều trị nội trú được quy định như sau:

a) Nhận người bệnh vào cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Trường hợp người bệnh mắc nhiều bệnh, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm xem xét, quyết định khoa sẽ tiến hành điều trị;

b) Hướng dẫn người bệnh đến khoa nơi người bệnh sẽ điều trị nội trú.

4. Việc chuyển khoa được thực hiện trong trường hợp phát hiện người mắc bệnh mà bệnh đó không thuộc phạm vi chuyên môn của khoa đang tiến hành điều trị hoặc bệnh liên quan chủ yếu đến chuyên khoa khác.

5. Các trường hợp sau đây phải chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

a) Bệnh vượt quá khả năng điều trị và điều kiện vật chất của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

b) Bệnh không phù hợp với phân tuyến chuyên môn kỹ thuật theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế;

c) Theo yêu cầu của người bệnh.

6. Thủ tục chuyển khoa, chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được quy định như sau:

a) Hoàn chỉnh hồ sơ bệnh án, tổng kết toàn bộ quá trình điều trị của người bệnh;

b) Nếu chuyển khoa thì chuyển toàn bộ hồ sơ bệnh án của người bệnh đến khoa mới; nếu chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì gửi giấy chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, kèm tóm tắt hồ sơ bệnh án đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh mới.

Nội dung 4. Hồ sơ bệnh án (Khoản 3,4 Điều 59 Luật khám bệnh, chữa bệnh).

3. Việc lưu trữ hồ sơ bệnh án được quy định như sau:

a) Hồ sơ bệnh án được lưu trữ theo các cấp độ mật của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

b) Hồ sơ bệnh án nội trú, ngoại trú được lưu trữ ít nhất 10 năm; hồ sơ bệnh án tai nạn lao động, tai nạn sinh hoạt được lưu trữ ít nhất 15 năm; hồ sơ bệnh án đối với người bệnh tâm thần, người bệnh tử vong được lưu trữ ít nhất 20 năm;

c) Trường hợp lưu trữ hồ sơ bệnh án bằng bản điện tử, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải có bản sao dự phòng và thực hiện theo các chế độ lưu trữ quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

4. Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quyết định việc cho phép khai thác hồ sơ bệnh án trong các trường hợp sau đây:

a) Sinh viên thực tập, nghiên cứu viên, người hành nghề trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được mượn hồ sơ bệnh án tại chỗ để đọc hoặc sao chép phục vụ cho việc nghiên cứu hoặc công tác chuyên môn kỹ thuật;

b) Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về y tế trực tiếp quản lý cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án, thanh tra chuyên ngành y tế, cơ quan bảo hiểm, tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần, luật sư được mượn hồ sơ bệnh án tại chỗ để đọc hoặc sao chép phục vụ nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền cho phép;

c) Người bệnh hoặc người đại diện của người bệnh được nhận bản tóm tắt hồ sơ bệnh án theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này: Được cung cấp thông tin tóm tắt về hồ sơ bệnh án nếu có yêu cầu bằng văn bản, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (khoản 1 Điều 11 – Luật khám bệnh, chữa bệnh).

Nội dung 5. Chẩn đoán bệnh, chỉ định phương pháp điều trị và kê đơn thuốc và thực hiện phẫu thuật, can thiệp ngoại khoa (Điều 55, Điều 61 Luật khám bệnh, chữa bệnh).

- Chẩn đoán bệnh, chỉ định phương pháp điều trị và kê đơn thuốc (Điều 55 Luật khám bệnh, chữa bệnh):

1. Việc chẩn đoán bệnh, chỉ định phương pháp điều trị và kê đơn thuốc phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Dựa trên kết quả khám lâm sàng, kiểm tra cận lâm sàng, kết hợp với yếu tố tiền sử bệnh, gia đình, nghề nghiệp và dịch tễ;

b) Kịp thời, khách quan, thận trọng và khoa học.

2. Người hành nghề được giao nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm sau đây:

a) Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, chỉ định phương pháp điều trị, kê đơn thuốc kịp thời, chính xác và chịu trách nhiệm về việc khám bệnh, chẩn đoán bệnh, chỉ định phương pháp điều trị, kê đơn thuốc của mình;

b) Quyết định điều trị nội trú hoặc ngoại trú; trường hợp người bệnh phải điều trị nội trú mà cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không có giường điều trị nội trú thì phải giới thiệu người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phù hợp.

- Thực hiện phẫu thuật, can thiệp ngoại khoa (Điều 61 Luật khám bệnh, chữa bệnh).

1. Mọi trường hợp phẫu thuật, can thiệp ngoại khoa đều phải được sự đồng ý của người bệnh hoặc đại diện của người bệnh, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Người bệnh thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, trước khi phẫu thuật, can thiệp ngoại khoa phải được người đại diện của người bệnh đồng ý bằng văn bản.

3. Trường hợp không thể hỏi ý kiến của người bệnh hoặc người đại diện của người bệnh và nếu không thực hiện phẫu thuật hoặc can thiệp ngoại khoa sẽ đe dọa trực tiếp đến tính mạng của người bệnh thì người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quyết định tiến hành phẫu thuật hoặc can thiệp ngoại khoa.

Nội dung 6. Sử dụng thuốc (Điều 60 Luật khám bệnh, chữa bệnh):

Sử dụng thuốc trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có điều trị nội trú:

1. Việc sử dụng thuốc trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có điều trị nội trú phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Chỉ sử dụng thuốc khi thật sự cần thiết, đúng mục đích, an toàn, hợp lý và hiệu quả;

b) Việc kê đơn thuốc phải phù hợp với chẩn đoán bệnh, tình trạng bệnh của người bệnh;

c) Đúng quy định về bảo quản, cấp phát và sử dụng thuốc.

2. Khi kê đơn thuốc, người hành nghề phải ghi đầy đủ, rõ ràng vào đơn thuốc hoặc bệnh án thông tin về tên thuốc, hàm lượng, liều dùng, cách dùng và thời gian dùng thuốc.

3. Khi cấp phát thuốc cho người bệnh, người được giao nhiệm vụ cấp phát thuốc có trách nhiệm sau đây:

a) Kiểm tra đơn thuốc, phiếu lĩnh thuốc, hàm lượng, liều dùng, cách dùng, tên thuốc và chất lượng thuốc;

b) Đối chiếu đơn thuốc với các thông tin về nồng độ, hàm lượng, số lượng khi nhận thuốc và hạn dùng ghi trên phiếu lĩnh thuốc, nhãn thuốc;

c) Đối chiếu họ tên người bệnh, tên thuốc, dạng thuốc, hàm lượng, liều dùng, cách dùng, thời gian dùng trước khi cho người bệnh sử dụng thuốc;

d) Ghi chép đầy đủ thời gian cấp phát thuốc cho người bệnh, theo dõi và ghi diễn biến lâm sàng của người bệnh vào hồ sơ bệnh án, phát hiện kịp thời các tai biến và báo cho người hành nghề trực tiếp điều trị.

4. Sau khi người bệnh dùng thuốc, người hành nghề trực tiếp điều trị có trách nhiệm theo dõi tác dụng và xử lý kịp thời tai biến do dùng thuốc.

Người bệnh có trách nhiệm dùng thuốc theo đúng hướng dẫn của người hành nghề và thông báo cho người hành nghề về các dấu hiệu bất thường sau khi dùng thuốc.

Nội dung 7. Nghĩa vụ của người hành nghề đối với người bệnh và đối với nghề nghiệp (Điều 36, 37 Luật khám bệnh, chữa bệnh):

- Nghĩa vụ đối với người bệnh (Điều 36 Luật khám bệnh, chữa bệnh)

1. Kịp thời sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh cho người bệnh, trừ trường hợp quy định tại Điều 32 của Luật này.

2. Tôn trọng các quyền của người bệnh, có thái độ ân cần, hòa nhã với người bệnh.

3. Tư vấn, cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 11 của Luật này.

4. Đối xử bình đẳng với người bệnh, không để lợi ích cá nhân hay sự phân biệt đối xử ảnh hưởng đến quyết định chuyên môn của mình.

5. Chỉ được yêu cầu người bệnh thanh toán các chi phí khám bệnh, chữa bệnh đã niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

- Nghĩa vụ đối với nghề nghiệp (Điều 37 Luật khám bệnh, chữa bệnh)

1. Thực hiện đúng quy định chuyên môn kỹ thuật.

2. Chịu trách nhiệm về việc khám bệnh, chữa bệnh của mình.
3. Thường xuyên học tập, cập nhật kiến thức y khoa liên tục để nâng cao trình độ chuyên môn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.
4. Tận tâm trong quá trình khám bệnh, chữa bệnh.
5. Giữ bí mật tình trạng bệnh của người bệnh, những thông tin mà người bệnh đã cung cấp và hồ sơ bệnh án, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật này.
6. Thông báo với người có thẩm quyền về người hành nghề có hành vi lừa dối người bệnh, đồng nghiệp hoặc vi phạm quy định của Luật này.
7. Không được kê đơn, chỉ định sử dụng các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, gợi ý chuyển người bệnh tới cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác vì vụ lợi.

Nội dung 8. Kiểm soát nhiễm khuẩn (Điều 62, 63 Luật khám bệnh, chữa bệnh).

- Kiểm soát nhiễm khuẩn trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Điều 62 Luật khám bệnh, chữa bệnh):

1. Các biện pháp kiểm soát nhiễm khuẩn trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bao gồm:
 - a) Khử trùng thiết bị y tế, môi trường và xử lý chất thải tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
 - b) Phòng hộ cá nhân, vệ sinh cá nhân;
 - c) Vệ sinh an toàn thực phẩm;
 - d) Giám sát nhiễm khuẩn;
 - đ) Các biện pháp kiểm soát nhiễm khuẩn khác theo quy định của pháp luật.
2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm sau đây:
 - a) Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhiễm khuẩn tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
 - b) Bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị, trang phục phòng hộ, điều kiện vệ sinh cá nhân cho người làm việc trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, người bệnh và người khác đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với yêu cầu về kiểm soát nhiễm khuẩn trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
 - c) Tư vấn về các biện pháp kiểm soát nhiễm khuẩn cho người bệnh và người nhà của người bệnh;

d) Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhiễm khuẩn khác theo quy định của pháp luật.

3. Người làm việc trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, người bệnh và người khác đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải tuân thủ quy định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về kiểm soát nhiễm khuẩn.

- Xử lý chất thải y tế (Điều 63 Luật khám bệnh, chữa bệnh):

1. Chất thải y tế bao gồm chất thải rắn, lỏng, khí, hóa chất, phóng xạ được thải ra trong quá trình khám bệnh, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc người bệnh và sinh hoạt của người bệnh trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm phân loại, thu gom và xử lý chất thải y tế theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Nội dung 9. Giải quyết đối với người bệnh không có người nhận (Điều 64 Luật khám bệnh, chữa bệnh)

Giải quyết đối với người bệnh không có người nhận:

1. Tiếp nhận và thực hiện khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

2. Kiểm kê, lập biên bản và lưu giữ tài sản của người bệnh.

3. Thông báo ngay cho cơ quan công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đặt trụ sở để cơ quan này thông báo tìm người nhà của người bệnh trên phương tiện thông tin đại chúng.

4. Đối với trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, người bệnh đã được điều trị ổn định mà vẫn chưa có người nhận, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thông báo cho cơ sở bảo trợ xã hội để tiếp nhận đối tượng này.

5. Đối với người bệnh tâm thần mà cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không có chuyên khoa tâm thần thì chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành tâm thần. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành tâm thần có trách nhiệm tiếp nhận, chăm sóc và điều trị cho người bệnh. Sau khi điều trị ổn định mà vẫn không có người nhận, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thông báo cho cơ sở bảo trợ xã hội để tiếp nhận người bệnh.

Cơ sở bảo trợ xã hội có trách nhiệm tiếp nhận các đối tượng theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

6. Đối với người bệnh tử vong không có người nhận, sau khi thực hiện quy định tại Điều 65 của Luật này, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải chụp ảnh,

lưu giữ mô để xác định danh tính, làm thủ tục khai tử theo quy định của pháp luật về hộ tịch và tổ chức mai táng.

Nội dung 10. Giải quyết đối với người bệnh tử vong (Điều 65 Luật khám bệnh, chữa bệnh).

- Giải quyết đối với người bệnh tử vong:

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm sau đây:

a) Cấp giấy chứng tử;

b) Tiến hành kiểm thảo tử vong trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi người bệnh tử vong;

c) Giao người hành nghề trực tiếp điều trị hoặc phụ trách ca trực lập hồ sơ tử vong, trong đó ghi rõ diễn biến bệnh, cách xử lý, thời gian và nguyên nhân tử vong;

d) Lưu trữ hồ sơ tử vong theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật khám bệnh, chữa bệnh:

- Hồ sơ bệnh án được lưu trữ theo các cấp độ mật của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

- Hồ sơ bệnh án nội trú, ngoại trú được lưu trữ ít nhất 10 năm; hồ sơ bệnh án tai nạn lao động, tai nạn sinh hoạt được lưu trữ ít nhất 15 năm; hồ sơ bệnh án đối với người bệnh tâm thần, người bệnh tử vong được lưu trữ ít nhất 20 năm;

- Trường hợp lưu trữ hồ sơ bệnh án bằng bản điện tử, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải có bản sao dự phòng và thực hiện theo các chế độ lưu trữ quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

2. Đối với trường hợp tử vong trước khi đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được giải quyết như sau:

a) Đối với người có giấy tờ tùy thân, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thông báo cho thân nhân của hộ để tổ chức mai táng;

b) Đối với người không có giấy tờ tùy thân, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm người nhà của người bệnh.

Trường hợp không có giấy tờ tùy thân hoặc có giấy tờ tùy thân nhưng không có người nhận, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm bảo quản thi thể, chụp ảnh và thông báo cho cơ quan công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đặt trụ sở.

Trường hợp không có người nhận, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan lao động, thương binh và xã hội trên địa bàn để các cơ quan này tổ chức mai táng.

3. Việc xác định người bệnh đã tử vong và thời hạn bảo quản thi thể được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Nội dung 11. Bắt buộc chữa bệnh và trực khám bệnh, chữa bệnh (Điều 66, 67 Luật khám bệnh, chữa bệnh).

- Bắt buộc chữa bệnh (Điều 66 Luật khám bệnh, chữa bệnh)

1. Các trường hợp bắt buộc chữa bệnh theo quy định của Luật này bao gồm:

a) Mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A theo quy định của pháp luật về phòng, chống bệnh truyền nhiễm;

b) Bệnh tâm thần ở trạng thái kích động, trầm cảm có ý tưởng, hành vi tự sát hoặc gây nguy hiểm cho người khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc bắt buộc chữa bệnh thực hiện theo quy định của pháp luật về hình sự và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

- Trực khám bệnh, chữa bệnh (Điều 67 Luật khám bệnh, chữa bệnh):

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giường bệnh nội trú, cơ sở cấp cứu phải bảo đảm trực liên tục ngoài giờ hành chính, ngày lễ, ngày nghỉ.

Khuyến khích cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giường bệnh nội trú tổ chức khám bệnh, chữa bệnh 24 giờ/ngày.

2. Trực ở cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bao gồm trực lãnh đạo, trực lâm sàng, trực cận lâm sàng và trực hậu cần, bảo vệ.

3. Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm sau đây:

a) Phân công người trực, quy định rõ trách nhiệm đối với từng cấp trực, người trực và chế độ trực cụ thể;

b) Bảo đảm đầy đủ các phương tiện vận chuyển cấp cứu phù hợp với hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh; thiết bị, dụng cụ y tế và thuốc thiết yếu để kịp thời cấp cứu người bệnh;

c) Bảo đảm chế độ báo cáo trực đối với mỗi phiên trực.

Nội dung 12. Quyền của người bệnh và Nghĩa vụ của người bệnh (từ Điều 7 đến Điều 16 Luật khám bệnh, chữa bệnh).

- Quyền của người bệnh (từ Điều 7 đến Điều 13 Luật khám bệnh, chữa bệnh):

Điều 7. Quyền được khám bệnh, chữa bệnh có chất lượng phù hợp với điều kiện thực tế.

Điều 8. Quyền được tôn trọng bí mật riêng tư.

Điều 9. Quyền được tôn trọng danh dự, bảo vệ sức khỏe trong khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 10. Quyền được lựa chọn trong khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 11. Quyền được cung cấp thông tin về hồ sơ bệnh án và chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 12. Quyền được từ chối chữa bệnh và ra khỏi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Điều 13. Quyền của người bệnh bị mất năng lực hành vi dân sự, không có năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc người chưa thành niên từ đủ 6 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi.

- Nghĩa vụ tôn trọng người hành nghề (Điều 14 Luật khám bệnh, chữa bệnh): Tôn trọng và không được có hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, sức khỏe, tính mạng của người hành nghề và nhân viên y tế khác.

- Nghĩa vụ chấp hành các quy định trong khám bệnh, chữa bệnh (Điều 15 Luật khám bệnh, chữa bệnh):

1. Cung cấp trung thực thông tin liên quan đến tình trạng sức khỏe của mình, hợp tác đầy đủ với người hành nghề và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Chấp hành chỉ định chẩn đoán, điều trị của người hành nghề, trừ trường hợp quy định tại Điều 12 của Luật này.

3. Chấp hành và yêu cầu người nhà của mình chấp hành nội quy của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

- Nghĩa vụ chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh (Điều 16 Luật khám bệnh, chữa bệnh): Người bệnh có trách nhiệm chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh, trừ trường hợp được miễn, giảm theo quy định của pháp luật. Trường hợp người bệnh tham gia bảo hiểm y tế thì việc thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

Nội dung 13. Nguyên tắc trong hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và chính sách của nhà nước về khám bệnh, chữa bệnh (Điều 3, 4 Luật khám bệnh chữa bệnh):

- Nguyên tắc trong hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (Điều 3 Luật khám bệnh chữa bệnh):

1. Bình đẳng, công bằng và không kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người bệnh.
2. Tôn trọng quyền của người bệnh; giữ bí mật thông tin về tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 11 và khoản 4 Điều 59 của Luật này.
3. Kịp thời và tuân thủ đúng quy định chuyên môn kỹ thuật.
4. Ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp cấp cứu, trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng, người từ đủ 80 tuổi trở lên, người có công với cách mạng, phụ nữ có thai.
5. Bảo đảm đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề.
6. Tôn trọng, hợp tác và bảo vệ người hành nghề khi làm nhiệm vụ.

- Chính sách của Nhà nước về khám bệnh, chữa bệnh (Điều 4 Luật khám bệnh chữa bệnh):

1. Ưu tiên bố trí ngân sách nhằm đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh cơ bản của nhân dân. Quan tâm dành ngân sách cho việc chăm sóc sức khỏe đối với người có công với cách mạng, trẻ em, người nghèo, nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số, nhân dân ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Tăng cường phát triển nguồn nhân lực y tế, đặc biệt là nguồn nhân lực y tế ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến trên xuống tuyến dưới, từ vùng có điều kiện kinh tế - xã hội không khó khăn đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh; khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

4. Khuyến khích việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong khám bệnh, chữa bệnh.

5. Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền trong khám bệnh, chữa bệnh.

Nội dung 14. Chẩn đoán phản vệ (Mục I, Phụ lục I. Hướng dẫn chẩn đoán phản vệ - Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

I. Chẩn đoán phản vệ:

1. Triệu chứng gợi ý: Nghĩ đến phản vệ khi xuất hiện ít nhất một trong các triệu chứng sau:

- a) Mày đay, phù mạch nhanh.
- b) Khó thở, tức ngực, thở rít.
- c) Đau bụng hoặc nôn.
- d) Tụt huyết áp hoặc ngất.
- e) Rối loạn ý thức.

2. Các bệnh cảnh lâm sàng:

1. Bệnh cảnh lâm sàng 1: Các triệu chứng xuất hiện trong vài giây đến vài giờ ở da, niêm mạc (mày đay, phù mạch, ngứa...) và có ít nhất 1 trong 2 triệu chứng sau:

- a) Các triệu chứng hô hấp (khó thở, thở rít, ran rít).
- b) Tụt huyết áp (HA) hay các hậu quả của tụt HA (rối loạn ý thức, đại tiện, tiểu tiện không tự chủ...).

2. Bệnh cảnh lâm sàng 2: Ít nhất 2 trong 4 triệu chứng sau xuất hiện trong vài giây đến vài giờ sau khi người bệnh tiếp xúc với yếu tố nghi ngờ:

- a) Biểu hiện ở da, niêm mạc: mày đay, phù mạch, ngứa.
- b) Các triệu chứng hô hấp (khó thở, thở rít, ran rít).
- c) Tụt huyết áp hoặc các hậu quả của tụt huyết áp (rối loạn ý thức, đại tiện, tiểu tiện không tự chủ...).
- d) Các triệu chứng tiêu hóa (nôn, đau bụng...).

3. Bệnh cảnh lâm sàng 3: Tụt huyết áp xuất hiện trong vài giây đến vài giờ sau khi tiếp xúc với yếu tố nghi ngờ mà người bệnh đã từng bị dị ứng:

- a) Trẻ em: giảm ít nhất 30% huyết áp tâm thu (HA tối đa) hoặc tụt huyết áp tâm thu so với tuổi (huyết áp tâm thu < 70mmHg).
- b) Người lớn: Huyết áp tâm thu < 90mmHg hoặc giảm 30% giá trị huyết áp tâm thu nền.

Nội dung 15. Nguyên tắc dự phòng phản vệ (Điều 4 Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, bác sĩ, nhân viên y tế phải bảo đảm các nguyên tắc dự phòng phản vệ sau đây:

1. Chỉ định đường dùng thuốc phù hợp nhất, chỉ tiêm khi không sử dụng được đường dùng khác.

2. Không phải thử phản ứng cho tất cả thuốc trừ trường hợp có chỉ định của bác sĩ theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Không được kê đơn thuốc, chỉ định dùng thuốc hoặc dị nguyên đã biết rõ gây phản vệ cho người bệnh.

Trường hợp không có thuốc thay thế phù hợp mà cần dùng thuốc hoặc dị nguyên đã gây phản vệ cho người bệnh phải hội chẩn chuyên khoa dị ứng-miễn dịch lâm sàng hoặc do bác sĩ đã được tập huấn về phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ để thống nhất chỉ định và phải được sự đồng ý bằng văn bản của người bệnh hoặc đại diện hợp pháp của người bệnh.

Việc thử phản ứng trên người bệnh với thuốc hoặc dị nguyên đã từng gây dị ứng cho người bệnh phải được tiến hành tại chuyên khoa dị ứng-miễn dịch lâm sàng hoặc do các bác sĩ đã được tập huấn về phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ thực hiện.

4. Tất cả trường hợp phản vệ phải được báo cáo về Trung tâm Quốc gia về Thông tin Thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc hoặc Trung tâm Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh về Thông tin Thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc theo mẫu báo cáo phản ứng có hại của thuốc hiện hành theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện.

5. Bác sĩ, người kê đơn thuốc hoặc nhân viên y tế khác có thẩm quyền phải khai thác kỹ tiền sử dị ứng thuốc, dị nguyên của người bệnh trước khi kê đơn thuốc hoặc chỉ định sử dụng thuốc theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. Tất cả thông tin liên quan đến dị ứng, dị nguyên phải được ghi vào sổ khám bệnh, bệnh án, giấy ra viện, giấy chuyển viện.

6. Khi đã xác định được thuốc hoặc dị nguyên gây phản vệ, bác sĩ, nhân viên y tế phải cấp cho người bệnh thẻ theo dõi dị ứng ghi rõ tên thuốc hoặc dị nguyên gây dị ứng theo hướng dẫn tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này, giải thích kỹ và nhắc người bệnh cung cấp thông tin này cho bác sĩ, nhân viên y tế mỗi khi khám bệnh, chữa bệnh.

Phụ lục số 02

**DANH MỤC NỘI DUNG TÀI LIỆU ÔN TẬP XÉT TUYỂN VÒNG 2
VIÊN CHỨC VÀO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Y TẾ CÔNG LẬP NĂM 2019
(Dành cho đối tượng dự xét tuyển vào chức danh nghề nghiệp viên chức Hạng IV)
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 725/QĐ-SYT ngày 16 tháng 6 năm 2020
của Sở Y tế)**

I. Tài liệu ôn tập gồm có:**Phần I - Luật viên chức và một số văn bản hướng dẫn thực hiện.**

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH 12 ngày 15/11/2010.
2. Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
3. Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Nghị định 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ qui định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức.

Phần II. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân; Chức năng nhiệm vụ của Trung tâm y tế huyện và trạm y tế;

1. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân số 21-LCT/HĐNN8 ngày 30/6/1989;
2. Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;
3. Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

Phần III. Một số Quy định hoạt động chuyên môn tại tuyển y tế cơ sở.

1. Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
2. Quyết định 5924/QĐ-BYT ngày 20/12/2019 của Bộ Y tế về việc ban hành bộ biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm Y tế xã.

3. Quyết định số 3671/QĐ-BYT ngày 27/9/2012 của Bộ Y tế về việc phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn: Hướng dẫn phòng ngừa chuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

4. Quyết định số: 3916/QĐ-BYT ngày 28/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

5. Quyết định số 346/QĐ-BYT ngày 30/1/2015 của Bộ Y tế về việc Ban hành kế hoạch phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2020.

II. Nội dung ôn tập trọng tâm:

Phần I. Luật viên chức và một số văn bản hướng dẫn thực hiện.

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH 12 ngày 15/11/2010.

- Điều 2: Định nghĩa viên chức
- Điều 5: Các nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp của viên chức.
- Khoản 1 Điều 7: Vị trí việc làm
- Khoản 1 Điều 8: Chức danh nghề nghiệp
- Điều 11: Quyền của viên chức về hoạt động nghề nghiệp
- Điều 17: Nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp
- Điều 19: Những việc viên chức không được làm
- Khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 29: Viên chức đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc
- Khoản 1 Điều 31: Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.
- Điều 45: Chế độ thôi việc
- Điều 46: Chế độ hưu trí

2. Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

- Điều 3: Phân loại viên chức
- Điều 32: Mục tiêu, nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức
- Điều 38: Giải quyết thôi việc

3. Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Mục 11 Điều 2: Chế độ tập sự đối với viên chức
- Mục 15 Điều 2: Giải quyết thôi việc đối với viên chức

4. Nghị định 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ qui định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức:

- Điều 3: Nguyên tắc xử lý kỷ luật
- Điều 5: Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật
- Điều 6: Các trường hợp được miễn xử lý kỷ luật
- Điều 10: Hình thức kỷ luật khiển trách
- Điều 13: Hình thức kỷ luật buộc thôi việc

Phần II. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân; Chức năng nhiệm vụ của Trung tâm y tế huyện và trạm y tế;

1. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân số 21-LCT/HĐNN8 ngày 30/6/1989

- Điều 1: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ sức khỏe.
- Điều 2: Nguyên tắc chỉ đạo công tác bảo vệ sức khỏe.
- Điều 3: Trách nhiệm của Nhà nước trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân.
- Điều 4: Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các đơn vị vũ trang nhân dân.
- Điều 5: Trách nhiệm của các tổ chức xã hội trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân.
- Điều 7: Vệ sinh lương thực, thực phẩm, các loại nước uống và rượu.
- Điều 8: Vệ sinh nước và các nguồn nước dùng trong sinh hoạt của nhân dân.
- Điều 9: Vệ sinh trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển và sử dụng hoá chất.
- Điều 13: Vệ sinh trong trường học và nhà trẻ.
- Điều 14: Vệ sinh trong lao động.
- Điều 15: Vệ sinh nơi công cộng.
- Điều 17: Phòng và chống các bệnh nhiễm khuẩn, bệnh dịch.
- Điều 18: Kiểm dịch.
- Điều 23: Quyền được khám bệnh và chữa bệnh.

- Điều 24: Điều kiện hành nghề của thầy thuốc.
- Điều 25: Trách nhiệm của thầy thuốc
- Điều 26: Giúp đỡ bảo vệ thầy thuốc và nhân viên y tế.
- Điều 27: Trách nhiệm của người bệnh.
- Điều 28: Chữa bệnh bằng phẫu thuật.
- Điều 35: Điều kiện hành nghề của lương y.
- Điều 36: Trách nhiệm của lương y.
- Điều 37: Giúp đỡ và bảo vệ lương y.
- Điều 43: Thực hiện kế hoạch hoá gia đình.
- Điều 46: Bảo vệ sức khoẻ trẻ em.
- Điều 52: Khen thưởng.
- Điều 53: Xử lý các vi phạm.

2. Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

- Điều 2: Vị trí pháp lý.
- Điều 3: Chức năng.
- Điều 5: Lãnh đạo Trung tâm Y tế huyện.
- Điều 6: Các Phòng chức năng.
- Điều 7: Các khoa chuyên môn thuộc Trung tâm Y tế huyện.
- Điều 10: Nguồn tài chính của Trung tâm Y tế huyện.

3. Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

- Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 2: Nhiệm vụ thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh và chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe sinh sản của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

Phần III. Một số Quy định hoạt động chuyên môn tại tuyến y tế cơ sở.

1. Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế:

- Mục I. Tiêu chí phân vùng các xã - Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020: Tiêu chí phân vùng các xã vùng 1,2, 3.

- Mục II. Chức năng, nhiệm vụ chính của TYT xã - Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020: Chức năng nhiệm vụ chính của Trạm Y tế vùng 1.

- Mục II. Chức năng, nhiệm vụ chính của TYT xã - Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020: Chức năng nhiệm vụ chính của Trạm Y tế vùng 2.

- Mục II. Chức năng, nhiệm vụ chính của TYT xã - Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020: Chức năng nhiệm vụ chính của Trạm Y tế vùng 3.

- Mục 3 và 4 của Tiêu chí 2. Nhân lực y tế, phần III. Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020 và hướng dẫn chấm điểm: Tiêu chí về nhân lực y tế.

2. Quyết định 5924/QĐ-BYT ngày 20/12/2019 của Bộ Y tế về việc ban hành bộ biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm Y tế xã.

- Mục IX. Vệ sinh môi trường, sức khỏe lao động, phòng chống tai nạn thương tích; Mục X. An toàn thực phẩm và Mục XI. Công nghệ thông tin, Phần A. Chỉ số hoạt động chuyên môn y tế - Biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm y tế xã: Các hoạt động theo dõi và giám sát Về Vệ sinh môi trường, sức khỏe lao động, phòng chống tai nạn thương tích, An toàn thực phẩm và Công nghệ thông tin của Trạm Y tế.

- Mục IV. Về phòng, chống bệnh không lây nhiễm và Mục V. Về phòng, chống HIV/AIDS, phần A. Chỉ số hoạt động chuyên môn y tế - Biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm y tế xã: Các hoạt động theo dõi và giám sát Về phòng, chống bệnh không lây nhiễm và Về phòng, chống HIV/AIDS của Trạm Y tế.

- Mục I. Truyền thông giáo dục sức khỏe, phần A. Chỉ số hoạt động chuyên môn y tế - Biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm y tế xã: Các hoạt động theo dõi và giám sát Về truyền thông giáo dục sức khỏe của Trạm Y tế.

- Mục VI. Về khám bệnh, chữa bệnh; Mục VII. Về Y dược cổ truyền, Phần A. Chỉ số hoạt động chuyên môn y tế - Biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm y tế xã: Các hoạt động theo dõi và giám sát Về khám bệnh, chữa bệnh và y học cổ truyền.

- Mục VIII. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, Phần A. Chỉ số hoạt động chuyên môn y tế - Biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm y tế xã: Các hoạt động theo dõi và giám sát Về chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em.

- Mục 6. Truyền thông giáo dục về dân số và phát triển và Mục 7. Quản lý thông tin dân số của hộ gia đình, Phần B. Chỉ số hoạt động chuyên môn dân số - Biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm y tế xã: Các hoạt động theo dõi và giám sát Về công tác truyền thông giáo dục về dân số và phát triển, Quản lý thông tin dân số của hộ gia đình.

3. Quyết định số 3671/QĐ-BYT ngày 27/9/2012 của Bộ Y tế về việc phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn: Hướng dẫn phòng ngừa chuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Tiểu mục 2.2, Mục 2. Sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân, Phần III. Nội dung và biện pháp phòng ngừa chuẩn - Hướng dẫn phòng ngừa chuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Sử dụng khẩu trang

- Mục 8. Vệ sinh môi trường, Phần III. Nội dung và biện pháp phòng ngừa chuẩn - Hướng dẫn phòng ngừa chuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Vệ sinh môi trường.

4. Quyết định số: 3916/QĐ-BYT ngày 28/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Mục 3. Kỹ thuật vệ sinh tay thường quy, Phần III. Nội dung thực hành vệ sinh tay - Hướng dẫn thực hành vệ sinh tay trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Kỹ thuật vệ sinh tay thường quy.

5. Quyết định số 346/QĐ-BYT ngày 30/1/2015 của Bộ Y tế về việc Ban hành kế hoạch phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2020.

- Tiết c. Truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng, Tiểu mục 1. Đẩy mạnh công tác thông tin giáo dục truyền thông nhằm nâng cao trách nhiệm của các cấp chính quyền, nhận thức của người dân về phòng, chống các bệnh không lây nhiễm; Mục II. Nội dung hoạt động, Phần II. Nội dung kế hoạch phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2020: Truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng.

III. Tài liệu tham khảo:

Yêu cầu các thí sinh nghiên cứu tài liệu gốc được các cơ quan có thẩm quyền ban hành để đảm bảo tính chính xác của nội dung ôn tập.

Phần I - Luật viên chức và một số văn bản hướng dẫn thực hiện.

Nội dung 1.

- **Định nghĩa Viên chức (Điều 2 của Luật viên chức):** Viên chức là công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

- **Các nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp của viên chức (Điều 5 Luật viên chức):**

1. Tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp.
2. Tận tụy phục vụ nhân dân.
3. Tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử.
4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và của nhân dân.

Nội dung 2.

- **Vị trí việc làm (Khoản 1 Điều 7 của Luật Viên chức):** Vị trí việc làm là công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng, là căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- **Chức danh nghề nghiệp (Khoản 1 Điều 8 của Luật Viên chức):** Chức danh nghề nghiệp là tên gọi thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức trong từng lĩnh vực nghề nghiệp.

Nội dung 3.

- **Quyền của viên chức về hoạt động nghề nghiệp (Điều 11 của Luật Viên chức):**

1. Được pháp luật bảo vệ trong hoạt động nghề nghiệp.
2. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Được bảo đảm trang bị, thiết bị và các điều kiện làm việc.
4. Được cung cấp thông tin liên quan đến công việc hoặc nhiệm vụ được giao.
5. Được quyết định vấn đề mang tính chuyên môn gắn với công việc hoặc nhiệm vụ được giao.
6. Được quyền từ chối thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ trái với quy định của pháp luật.
7. Được hưởng các quyền khác về hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Nội dung 4.

- Nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp (Điều 17 của Luật Viên chức):

1. Thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao bảo đảm yêu cầu về thời gian và chất lượng.
2. Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ.
3. Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền.
4. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ.
5. Khi phục vụ nhân dân, viên chức phải tuân thủ các quy định sau:
 - a) Có thái độ lịch sự, tôn trọng nhân dân;
 - b) Có tinh thần hợp tác, tác phong khiêm tốn;
 - c) Không hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân;
 - d) Chấp hành các quy định về đạo đức nghề nghiệp.
6. Chịu trách nhiệm về việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp.
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Nội dung 5.

Những việc viên chức không được làm (Điều 19 của Luật Viên chức):

1. Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác công việc hoặc nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc; tham gia đình công.
2. Sử dụng tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và của nhân dân trái với quy định của pháp luật.

3. Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức.

4. Lợi dụng hoạt động nghề nghiệp để tuyên truyền chống lại chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc gây phương hại đối với thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân và xã hội.

5. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp.

6. Những việc khác viên chức không được làm theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Nội dung 6.

Viên chức đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc (Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 29 của Luật Viên chức):

1. Viên chức làm việc theo hợp đồng làm việc không xác định thời hạn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập biết trước ít nhất 45 ngày; trường hợp viên chức ốm đau hoặc bị tai nạn đã điều trị 06 tháng liên tục thì phải báo trước ít nhất 03 ngày.

2. Viên chức làm việc theo hợp đồng làm việc xác định thời hạn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

a) Không được bố trí theo đúng vị trí việc làm, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm các điều kiện làm việc đã thỏa thuận trong hợp đồng làm việc;

b) Không được trả lương đầy đủ hoặc không được trả lương đúng thời hạn theo hợp đồng làm việc;

c) Bị ngược đãi; bị cưỡng bức lao động;

d) Bản thân hoặc gia đình thật sự có hoàn cảnh khó khăn không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng;

đ) Viên chức nữ có thai phải nghỉ việc theo chỉ định của cơ sở chữa bệnh;

e) Viên chức ốm đau hoặc bị tai nạn đã điều trị từ 03 tháng liên tục mà khả năng làm việc chưa hồi phục.

3. Viên chức phải thông báo bằng văn bản về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập biết trước ít nhất 03 ngày đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, đ và e khoản 5 Điều này; ít nhất 30 ngày đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 5 Điều này.

- Nguyên tắc việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (Khoản 1 Điều 31 của Luật Viên chức):

a) Làm việc ở vị trí việc làm nào thì bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm đó;

b) Người được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp nào thì phải có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp đó.

Nội dung 7.

- Chế độ thôi việc (Điều 45 của Luật Viên chức):

1. Khi chấm dứt hợp đồng làm việc, viên chức được hưởng trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm hoặc chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về bảo hiểm xã hội, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Viên chức không được hưởng trợ cấp thôi việc nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Bị buộc thôi việc;

b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc mà vi phạm quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều 29 của Luật Viên chức;

c) Chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Luật Viên chức.

- Chế độ hưu trí (Điều 46 của Luật Viên chức):

1. Viên chức được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Trước 06 tháng, tính đến ngày viên chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức phải thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu; trước 03 tháng, tính đến ngày viên chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức ra quyết định nghỉ hưu.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập có thể ký hợp đồng vụ, việc với người hưởng chế độ hưu trí nếu đơn vị có nhu cầu và người hưởng chế độ hưu trí có nguyện

vọng; trong thời gian hợp đồng, ngoài khoản thù lao theo hợp đồng, người đó được hưởng một số chế độ, chính sách cụ thể về cơ chế quản lý, bảo đảm điều kiện cho hoạt động chuyên môn do Chính phủ quy định.

Nội dung 8.

Phân loại viên chức (Điều 3 Nghị định 29/2012/NĐ-CP):

1. Theo vị trí việc làm, viên chức được phân loại như sau:

a) Viên chức quản lý bao gồm những người quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật Viên chức (*Viên chức quản lý* là người được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý có thời hạn, chịu trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện một hoặc một số công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập nhưng không phải là công chức và được hưởng phụ cấp chức vụ quản lý);

b) Viên chức không giữ chức vụ quản lý bao gồm những người chỉ thực hiện chuyên môn nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Theo chức danh nghề nghiệp, viên chức được phân loại trong từng lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp với các cấp độ từ cao xuống thấp như sau:

- a) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I;
- b) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II;
- c) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng III;
- d) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV.

Nội dung 9:

Mục tiêu, nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức (Điều 32 của Nghị định 29/2012/NĐ-CP):

1. Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng:

a) Cập nhật kiến thức, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng và phương pháp thực hiện nhiệm vụ được giao;

b) Đào tạo góp phần xây dựng đội ngũ viên chức có đạo đức nghề nghiệp, có đủ trình độ và năng lực chuyên môn đảm bảo chất lượng của hoạt động nghề nghiệp.

2. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng:

a) Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của đơn vị sự nghiệp công lập;

- b) Bảo đảm tính tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng;
- c) Khuyến khích viên chức học tập, nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ;
- d) Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

Nội dung 10.

Giải quyết thôi việc (Điều 38 của Nghị định 29/2012/NĐ-CP):

1. Viên chức được giải quyết thôi việc trong các trường hợp sau:

- a) Viên chức có đơn tự nguyện xin thôi việc được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản;
- b) Viên chức đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 29 Luật Viên chức;
- c) Đơn vị sự nghiệp công lập đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với viên chức khi có một trong các trường hợp quy định tại Điểm c, Điểm d và Điểm đ Khoản 1 Điều 29 Luật Viên chức.

2. Viên chức chưa được giải quyết thôi việc nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Đang bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- b) Chưa làm việc đủ thời gian cam kết với đơn vị sự nghiệp công lập khi được cử đi đào tạo hoặc khi được xét tuyển;
- c) Chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập;
- d) Do yêu cầu công tác và chưa bố trí được người thay thế.

Nội dung 11.

- Sửa đổi bổ sung khoản 2, khoản 3, bổ sung khoản 5 Điều 20 Nghị định 29/2012/NĐ-CP (Mục 11 Điều 2 Nghị định 161/2018/NĐ-CP):

1. Thời gian tập sự được quy định như sau:

- a) 12 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo đại học. Riêng đối với chức danh nghề nghiệp bậc sĩ là 09 tháng;

b) 09 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo cao đẳng;

c) 06 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo trung cấp.

2. Thời gian nghỉ sinh con theo chế độ bảo hiểm xã hội, thời gian nghỉ ốm đau từ 14 ngày trở lên, thời gian nghỉ không hưởng lương, thời gian bị tạm giam, tạm giữ, tạm đình chỉ công tác theo quy định của pháp luật không được tính vào thời gian tập sự.

3. Không thực hiện chế độ tập sự đối với các trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật, được bố trí làm việc theo đúng ngành, nghề đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm mà thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu đứt quãng thì được cộng dồn) bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự quy định tại khoản 2 Điều này.”

- Sửa đổi bổ sung khoản 4 Điều 38 (Mục 12 Điều 2 Nghị định 161/2018/NĐ-CP”

“Điều 38. Giải quyết thôi việc đối với viên chức

4. Không thực hiện chế độ thôi việc đối với các trường hợp sau:

a) Viên chức được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong hệ thống chính trị;

b) Viên chức đã có thông báo nghỉ hưu hoặc thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo quy định của pháp luật.”

Nội dung 12.

Nguyên tắc xử lý kỷ luật (Điều 3 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

1. Khách quan, công bằng, nghiêm minh, đúng pháp luật.

2. Mỗi hành vi vi phạm pháp luật chỉ bị xử lý một hình thức kỷ luật. Nếu viên chức có nhiều hành vi vi phạm pháp luật hoặc tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian đang thi hành quyết định kỷ luật thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi vi phạm pháp luật và chịu hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng với hành vi vi phạm nặng nhất, trừ trường hợp có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc.

3. Thái độ tiếp thu, sửa chữa và chủ động khắc phục hậu quả của viên chức có hành vi vi phạm pháp luật là yếu tố xem xét tăng nặng hoặc giảm nhẹ khi áp dụng hình thức kỷ luật.

4. Thời gian chưa xem xét xử lý kỷ luật đối với viên chức trong các trường hợp quy định tại Điều 5 Nghị định này không tính vào thời hạn xử lý kỷ luật.

5. Không áp dụng hình thức xử phạt hành chính thay cho hình thức kỷ luật.

6. Cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của viên chức trong quá trình xử lý kỷ luật.

Nội dung 13.

- Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật (Điều 5 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

1. Đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cho phép;

2. Đang trong thời gian điều trị, chữa bệnh có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

3. Viên chức nữ đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi;

4. Đang bị tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

- Các trường hợp được miễn xử lý kỷ luật (Điều 6 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

1. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi vi phạm pháp luật;

2. Được cấp có thẩm quyền xác nhận có hành vi vi phạm pháp luật trong tình thế bất khả kháng khi thực hiện công việc, nhiệm vụ.

Nội dung 14.

Hình thức kỷ luật Khiển trách áp dụng đối với viên chức có hành vi vi phạm pháp luật nào (Điều 10 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với viên chức có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

1. Vi phạm các quy định, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập đã được người có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

2. Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp, đã được người có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

3. Không chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền hoặc không thực hiện công việc, nhiệm vụ đã cam kết trong hợp đồng làm việc mà không có lý do chính đáng;

4. Có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân trong quá trình thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao;

5. Gây mất đoàn kết trong đơn vị;

6. Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 03 đến dưới 05 ngày làm việc trong một tháng được tính trong tháng dương lịch hoặc từ 03 đến dưới 05 ngày làm việc liên tiếp, mà không có lý do chính đáng;

7. Sử dụng tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập và của nhân dân trái với quy định của pháp luật.

8. Vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ luật lao động; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định khác của pháp luật liên quan đến viên chức.

Nội dung 15.

Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với viên chức có hành vi vi phạm pháp luật nào (Điều 13 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với viên chức có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

1. Bị phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng;

2. Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng;

3. Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được tuyển dụng vào đơn vị sự nghiệp công lập;

4. Nghiện ma túy có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

5. Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 07 ngày làm việc trở lên trong một tháng hoặc từ 20 ngày làm việc trở lên trong một năm mà không có lý do chính đáng được tính trong tháng dương lịch; năm dương lịch;

6. Vi phạm ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự; quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ luật lao động; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định khác của pháp luật liên quan đến viên chức.

Phụ lục số 02

**DANH MỤC NỘI DUNG TÀI LIỆU ÔN TẬP XÉT TUYỂN VÒNG 2
VIÊN CHỨC VÀO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Y TẾ CÔNG LẬP NĂM 2019
(Dành cho đối tượng dự xét tuyển vào chức danh nghề nghiệp viên chức Hạng IV)
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng năm 2020
của Sở Y tế)**

I. Tài liệu ôn tập gồm có:**Phần I - Luật viên chức và một số văn bản hướng dẫn thực hiện.**

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH 12 ngày 15/11/2010.
2. Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
3. Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Nghị định 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ qui định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức.

Phần II. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân; Chức năng nhiệm vụ của Trung tâm y tế huyện và trạm y tế;

1. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân số 21-LCT/HĐNN8 ngày 30/6/1989;
2. Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;
3. Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

Phần III. Một số Quy định hoạt động chuyên môn tại tuyển y tế cơ sở.

1. Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
2. Quyết định 5924/QĐ-BYT ngày 20/12/2019 của Bộ Y tế về việc ban hành bộ biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm Y tế xã.

3. Quyết định số 3671/QĐ-BYT ngày 27/9/2012 của Bộ Y tế về việc phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn: Hướng dẫn phòng ngừa chuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

4. Quyết định số: 3916/QĐ-BYT ngày 28/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

5. Quyết định số 346/QĐ-BYT ngày 30/1/2015 của Bộ Y tế về việc Ban hành kế hoạch phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2020.

II. Nội dung ôn tập trọng tâm:

A. Luật viên chức và một số văn bản hướng dẫn thực hiện.

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH 12 ngày 15/11/2010.

- Điều 2: Định nghĩa viên chức
- Điều 5: Các nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp của viên chức.
- Khoản 1 Điều 7: Vị trí việc làm
- Khoản 1 Điều 8: Chức danh nghề nghiệp
- Điều 11: Quyền của viên chức về hoạt động nghề nghiệp
- Điều 17: Nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp
- Điều 19: Những việc viên chức không được làm
- Khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 29: Viên chức đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc
- Khoản 1 Điều 31: Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.
- Điều 45: Chế độ thôi việc
- Điều 46: Chế độ hưu trí

2. Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

- Điều 3: Phân loại viên chức
- Điều 32: Mục tiêu, nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức
- Điều 38: Giải quyết thôi việc

3. Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Mục 11 Điều 2: Chế độ tập sự đối với viên chức
- Mục 15 Điều 2: Giải quyết thôi việc đối với viên chức

4. Nghị định 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ qui định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức:

- Điều 3: Nguyên tắc xử lý kỷ luật
- Điều 5: Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật
- Điều 6: Các trường hợp được miễn xử lý kỷ luật
- Điều 10: Hình thức kỷ luật khiển trách
- Điều 13: Hình thức kỷ luật buộc thôi việc

B. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân; Chức năng nhiệm vụ của Trung tâm y tế huyện và trạm y tế;

1. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân số 21-LCT/HĐNN8 ngày 30/6/1989

- Điều 1: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ sức khỏe.
- Điều 2: Nguyên tắc chỉ đạo công tác bảo vệ sức khỏe.
- Điều 3: Trách nhiệm của Nhà nước trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân.
- Điều 4: Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các đơn vị vũ trang nhân dân.
- Điều 5: Trách nhiệm của các tổ chức xã hội trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân.
- Điều 7: Vệ sinh lương thực, thực phẩm, các loại nước uống và rượu.
- Điều 8: Vệ sinh nước và các nguồn nước dùng trong sinh hoạt của nhân dân.
- Điều 9: Vệ sinh trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển và sử dụng hoá chất.
- Điều 13: Vệ sinh trong trường học và nhà trẻ.
- Điều 14: Vệ sinh trong lao động.
- Điều 15: Vệ sinh nơi công cộng.
- Điều 17: Phòng và chống các bệnh nhiễm khuẩn, bệnh dịch.
- Điều 18: Kiểm dịch.
- Điều 23: Quyền được khám bệnh và chữa bệnh.

- Điều 24: Điều kiện hành nghề của thầy thuốc.
- Điều 25: Trách nhiệm của thầy thuốc
- Điều 26: Giúp đỡ bảo vệ thầy thuốc và nhân viên y tế.
- Điều 27: Trách nhiệm của người bệnh.
- Điều 28: Chữa bệnh bằng phẫu thuật.
- Điều 35: Điều kiện hành nghề của lương y.
- Điều 36: Trách nhiệm của lương y.
- Điều 37: Giúp đỡ và bảo vệ lương y.
- Điều 43: Thực hiện kế hoạch hoá gia đình.
- Điều 46: Bảo vệ sức khoẻ trẻ em.
- Điều 52: Khen thưởng.
- Điều 53: Xử lý các vi phạm.

2. Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

- Điều 2: Vị trí pháp lý.
- Điều 3: Chức năng.
- Điều 5: Lãnh đạo Trung tâm Y tế huyện.
- Điều 6: Các Phòng chức năng.
- Điều 7: Các khoa chuyên môn thuộc Trung tâm Y tế huyện.
- Điều 10: Nguồn tài chính của Trung tâm Y tế huyện.

3. Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

- Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 2: Nhiệm vụ thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh và chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe sinh sản của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

Phần III. Một số Quy định hoạt động chuyên môn tại tuyến y tế cơ sở.

1. Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế:

- Mục I. Tiêu chí phân vùng các xã - Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020: Tiêu chí phân vùng các xã vùng 1,2, 3.

- Mục II. Chức năng, nhiệm vụ chính của TYT xã - Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020: Chức năng nhiệm vụ chính của Trạm Y tế vùng 1.
- Mục II. Chức năng, nhiệm vụ chính của TYT xã - Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020: Chức năng nhiệm vụ chính của Trạm Y tế vùng 2.
- Mục II. Chức năng, nhiệm vụ chính của TYT xã - Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020: Chức năng nhiệm vụ chính của Trạm Y tế vùng 3.
- Mục 3 và 4 của Tiêu chí 2. Nhân lực y tế, phần III. Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020 và hướng dẫn chấm điểm: Tiêu chí về nhân lực y tế.

2. Quyết định 5924/QĐ-BYT ngày 20/12/2019 của Bộ Y tế về việc ban hành bộ biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm Y tế xã.

- Mục IX. Vệ sinh môi trường, sức khỏe lao động, phòng chống tai nạn thương tích; Mục X. An toàn thực phẩm và Mục XI. Công nghệ thông tin, Phần A. Chỉ số hoạt động chuyên môn y tế - Biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm y tế xã: Các hoạt động theo dõi và giám sát Về Vệ sinh môi trường, sức khỏe lao động, phòng chống tai nạn thương tích, An toàn thực phẩm và Công nghệ thông tin của Trạm Y tế.

- Mục IV. Về phòng, chống bệnh không lây nhiễm và Mục V. Về phòng, chống HIV/AIDS, phần A. Chỉ số hoạt động chuyên môn y tế - Biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm y tế xã: Các hoạt động theo dõi và giám sát Về phòng, chống bệnh không lây nhiễm và Về phòng, chống HIV/AIDS của Trạm Y tế.

- Mục I. Truyền thông giáo dục sức khỏe, phần A. Chỉ số hoạt động chuyên môn y tế - Biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm y tế xã: Các hoạt động theo dõi và giám sát Về truyền thông giáo dục sức khỏe của Trạm Y tế.

- Mục VI. Về khám bệnh, chữa bệnh; Mục VII. Về Y dược cổ truyền, Phần A. Chỉ số hoạt động chuyên môn y tế - Biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm y tế xã: Các hoạt động theo dõi và giám sát Về khám bệnh, chữa bệnh và y học cổ truyền.

- Mục VIII. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, Phần A. Chỉ số hoạt động chuyên môn y tế - Biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm y tế xã: Các hoạt động theo dõi và giám sát Về chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em.

- Mục 6. Truyền thông giáo dục về dân số và phát triển và Mục 7. Quản lý thông tin dân số của hộ gia đình, Phần B. Chỉ số hoạt động chuyên môn dân số - Biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm y tế xã: Các hoạt động theo

dõi và giám sát Về công tác truyền thông giáo dục về dân số và phát triển, Quản lý thông tin dân số của hộ gia đình.

3. Quyết định số 3671/QĐ-BYT ngày 27/9/2012 của Bộ Y tế về việc phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn: Hướng dẫn phòng ngừa chuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Tiểu mục 2.2, Mục 2. Sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân, Phần III. Nội dung và biện pháp phòng ngừa chuẩn - Hướng dẫn phòng ngừa chuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Sử dụng khẩu trang

- Mục 8. Vệ sinh môi trường, Phần III. Nội dung và biện pháp phòng ngừa chuẩn - Hướng dẫn phòng ngừa chuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Vệ sinh môi trường.

4. Quyết định số: 3916/QĐ-BYT ngày 28/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Mục 3. Kỹ thuật vệ sinh tay thường quy, Phần III. Nội dung thực hành vệ sinh tay - Hướng dẫn thực hành vệ sinh tay trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Kỹ thuật vệ sinh tay thường quy.

5. Quyết định số 346/QĐ-BYT ngày 30/1/2015 của Bộ Y tế về việc Ban hành kế hoạch phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2020.

- Tiết c. Truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng, Tiểu mục 1. Đẩy mạnh công tác thông tin giáo dục truyền thông nhằm nâng cao trách nhiệm của các cấp chính quyền, nhận thức của người dân về phòng, chống các bệnh không lây nhiễm; Mục II. Nội dung hoạt động, Phần II. Nội dung kế hoạch phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2020: Truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng.

III. Tài liệu tham khảo:

Phần I - Luật viên chức và một số văn bản hướng dẫn thực hiện.

Nội dung 1.

- **Định nghĩa Viên chức (Điều 2 của Luật viên chức):** Viên chức là công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

- **Các nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp của viên chức (Điều 5 Luật viên chức):**

1. Tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp.
2. Tận tụy phục vụ nhân dân.
3. Tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử.
4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và của nhân dân.

Nội dung 2.

- **Vị trí việc làm (Khoản 1 Điều 7 của Luật Viên chức):** Vị trí việc làm là công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng, là căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- **Chức danh nghề nghiệp (Khoản 1 Điều 8 của Luật Viên chức):** Chức danh nghề nghiệp là tên gọi thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức trong từng lĩnh vực nghề nghiệp.

Nội dung 3.

- **Quyền của viên chức về hoạt động nghề nghiệp (Điều 11 của Luật Viên chức):**

1. Được pháp luật bảo vệ trong hoạt động nghề nghiệp.
2. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn,

nghịệp vụ.

3. Được bảo đảm trang bị, thiết bị và các điều kiện làm việc.
4. Được cung cấp thông tin liên quan đến công việc hoặc nhiệm vụ được giao.
5. Được quyết định vấn đề mang tính chuyên môn gắn với công việc hoặc nhiệm vụ được giao.
6. Được quyền từ chối thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ trái với quy định của pháp luật.
7. Được hưởng các quyền khác về hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Nội dung 4.

- Nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp(Điều 17 của Luật Viên chức):

1. Thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao bảo đảm yêu cầu về thời gian và chất lượng.
2. Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ.
3. Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền.
4. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ.
5. Khi phục vụ nhân dân, viên chức phải tuân thủ các quy định sau:
 - a) Có thái độ lịch sự, tôn trọng nhân dân;
 - b) Có tinh thần hợp tác, tác phong khiêm tốn;
 - c) Không hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân;
 - d) Chấp hành các quy định về đạo đức nghề nghiệp.
6. Chịu trách nhiệm về việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp.
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Nội dung 5.

Những việc viên chức không được làm (Điều 19 của Luật Viên chức):

1. Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác công việc hoặc nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc; tham gia đình công.
2. Sử dụng tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và của nhân dân trái với quy định của pháp luật.

3. Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức.

4. Lợi dụng hoạt động nghề nghiệp để tuyên truyền chống lại chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc gây phương hại đối với thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân và xã hội.

5. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp.

6. Những việc khác viên chức không được làm theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Nội dung 6.

Viên chức đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc (Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 29 của Luật Viên chức):

1. Viên chức làm việc theo hợp đồng làm việc không xác định thời hạn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập biết trước ít nhất 45 ngày; trường hợp viên chức ốm đau hoặc bị tai nạn đã điều trị 06 tháng liên tục thì phải báo trước ít nhất 03 ngày.

2. Viên chức làm việc theo hợp đồng làm việc xác định thời hạn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

a) Không được bố trí theo đúng vị trí việc làm, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm các điều kiện làm việc đã thỏa thuận trong hợp đồng làm việc;

b) Không được trả lương đầy đủ hoặc không được trả lương đúng thời hạn theo hợp đồng làm việc;

c) Bị ngược đãi; bị cưỡng bức lao động;

d) Bản thân hoặc gia đình thật sự có hoàn cảnh khó khăn không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng;

đ) Viên chức nữ có thai phải nghỉ việc theo chỉ định của cơ sở chữa bệnh;

e) Viên chức ốm đau hoặc bị tai nạn đã điều trị từ 03 tháng liên tục mà khả năng làm việc chưa hồi phục.

3. Viên chức phải thông báo bằng văn bản về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập biết trước ít nhất 03 ngày đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, đ và e khoản 5 Điều này; ít nhất 30 ngày đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 5 Điều này.

- Nguyên tắc việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (Khoản 1 Điều 31 của Luật Viên chức):

a) Làm việc ở vị trí việc làm nào thì bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm đó;

b) Người được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp nào thì phải có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp đó.

Nội dung 7.

- Chế độ thôi việc (Điều 45 của Luật Viên chức):

1. Khi chấm dứt hợp đồng làm việc, viên chức được hưởng trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm hoặc chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về bảo hiểm xã hội, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Viên chức không được hưởng trợ cấp thôi việc nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Bị buộc thôi việc;

b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc mà vi phạm quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều 29 của Luật Viên chức;

c) Chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Luật Viên chức.

- Chế độ hưu trí (Điều 46 của Luật Viên chức):

1. Viên chức được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Trước 06 tháng, tính đến ngày viên chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức phải thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu; trước 03 tháng, tính đến ngày viên chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức ra quyết định nghỉ hưu.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập có thể ký hợp đồng vụ, việc với người hưởng chế độ hưu trí nếu đơn vị có nhu cầu và người hưởng chế độ hưu trí có nguyện

vọng; trong thời gian hợp đồng, ngoài khoản thù lao theo hợp đồng, người đó được hưởng một số chế độ, chính sách cụ thể về cơ chế quản lý, bảo đảm điều kiện cho hoạt động chuyên môn do Chính phủ quy định.

Nội dung 8.

Phân loại viên chức (Điều 3 Nghị định 29/2012/NĐ-CP):

1. Theo vị trí việc làm, viên chức được phân loại như sau:

a) Viên chức quản lý bao gồm những người quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật Viên chức (*Viên chức quản lý* là người được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý có thời hạn, chịu trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện một hoặc một số công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập nhưng không phải là công chức và được hưởng phụ cấp chức vụ quản lý);

b) Viên chức không giữ chức vụ quản lý bao gồm những người chỉ thực hiện chuyên môn nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Theo chức danh nghề nghiệp, viên chức được phân loại trong từng lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp với các cấp độ từ cao xuống thấp như sau:

- a) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I;
- b) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II;
- c) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng III;
- d) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV.

Nội dung 9:

Mục tiêu, nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức (Điều 32 của Nghị định 29/2012/NĐ-CP):

1. Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Cập nhật kiến thức, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng và phương pháp thực hiện nhiệm vụ được giao;
- b) Đào tạo góp phần xây dựng đội ngũ viên chức có đạo đức nghề nghiệp, có đủ trình độ và năng lực chuyên môn đảm bảo chất lượng của hoạt động nghề nghiệp.

2. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của đơn vị sự nghiệp công lập;

- b) Bảo đảm tính tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng;
- c) Khuyến khích viên chức học tập, nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ;
- d) Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

Nội dung 10.

Giải quyết thôi việc (Điều 38 của Nghị định 29/2012/NĐ-CP):

1. Viên chức được giải quyết thôi việc trong các trường hợp sau:

- a) Viên chức có đơn tự nguyện xin thôi việc được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản;
- b) Viên chức đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 29 Luật Viên chức;
- c) Đơn vị sự nghiệp công lập đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với viên chức khi có một trong các trường hợp quy định tại Điểm c, Điểm d và Điểm đ Khoản 1 Điều 29 Luật Viên chức.

2. Viên chức chưa được giải quyết thôi việc nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Đang bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- b) Chưa làm việc đủ thời gian cam kết với đơn vị sự nghiệp công lập khi được cử đi đào tạo hoặc khi được xét tuyển;
- c) Chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập;
- d) Do yêu cầu công tác và chưa bố trí được người thay thế.

Nội dung 11.

- Sửa đổi bổ sung khoản 2, khoản 3, bổ sung khoản 5 Điều 20 Nghị định 29/2012/NĐ-CP (Mục 11 Điều 2 Nghị định 161/2018/NĐ-CP):

1. Thời gian tập sự được quy định như sau:

- a) 12 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo đại học. Riêng đối với chức danh nghề nghiệp bậc sĩ là 09 tháng;

b) 09 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo cao đẳng;

c) 06 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo trung cấp.

2. Thời gian nghỉ sinh con theo chế độ bảo hiểm xã hội, thời gian nghỉ ốm đau từ 14 ngày trở lên, thời gian nghỉ không hưởng lương, thời gian bị tạm giam, tạm giữ, tạm đình chỉ công tác theo quy định của pháp luật không được tính vào thời gian tập sự.

3. Không thực hiện chế độ tập sự đối với các trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật, được bố trí làm việc theo đúng ngành, nghề đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm mà thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu đứt quãng thì được cộng dồn) bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự quy định tại khoản 2 Điều này.”

- Sửa đổi bổ sung khoản 4 Điều 38 (Mục 12 Điều 2 Nghị định 161/2018/NĐ-CP”

“Điều 38. Giải quyết thôi việc đối với viên chức

4. Không thực hiện chế độ thôi việc đối với các trường hợp sau:

a) Viên chức được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong hệ thống chính trị;

b) Viên chức đã có thông báo nghỉ hưu hoặc thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo quy định của pháp luật.”

Nội dung 12.

Nguyên tắc xử lý kỷ luật (Điều 3 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

1. Khách quan, công bằng, nghiêm minh, đúng pháp luật.

2. Mỗi hành vi vi phạm pháp luật chỉ bị xử lý một hình thức kỷ luật. Nếu viên chức có nhiều hành vi vi phạm pháp luật hoặc tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian đang thi hành quyết định kỷ luật thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi vi phạm pháp luật và chịu hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng với hành vi vi phạm nặng nhất, trừ trường hợp có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc.

3. Thái độ tiếp thu, sửa chữa và chủ động khắc phục hậu quả của viên chức có hành vi vi phạm pháp luật là yếu tố xem xét tăng nặng hoặc giảm nhẹ khi áp dụng hình thức kỷ luật.

4. Thời gian chưa xem xét xử lý kỷ luật đối với viên chức trong các trường hợp quy định tại Điều 5 Nghị định này không tính vào thời hạn xử lý kỷ luật.

5. Không áp dụng hình thức xử phạt hành chính thay cho hình thức kỷ luật.

6. Cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của viên chức trong quá trình xử lý kỷ luật.

Nội dung 13.

- Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật (Điều 5 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

1. Đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cho phép;

2. Đang trong thời gian điều trị, chữa bệnh có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

3. Viên chức nữ đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi;

4. Đang bị tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

- Các trường hợp được miễn xử lý kỷ luật (Điều 6 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

1. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi vi phạm pháp luật;

2. Được cấp có thẩm quyền xác nhận có hành vi vi phạm pháp luật trong tình thế bất khả kháng khi thực hiện công việc, nhiệm vụ.

Nội dung 14.

Hình thức kỷ luật Khiển trách áp dụng đối với viên chức có hành vi vi phạm pháp luật nào (Điều 10 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với viên chức có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

1. Vi phạm các quy định, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập đã được người có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

2. Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp, đã được người có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

3. Không chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền hoặc không thực hiện công việc, nhiệm vụ đã cam kết trong hợp đồng làm việc mà không có lý do chính đáng;

4. Có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân trong quá trình thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao;

5. Gây mất đoàn kết trong đơn vị;

6. Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 03 đến dưới 05 ngày làm việc trong một tháng được tính trong tháng dương lịch hoặc từ 03 đến dưới 05 ngày làm việc liên tiếp, mà không có lý do chính đáng;

7. Sử dụng tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập và của nhân dân trái với quy định của pháp luật.

8. Vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ luật lao động; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định khác của pháp luật liên quan đến viên chức.

Nội dung 15.

Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với viên chức có hành vi vi phạm pháp luật nào (Điều 13 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với viên chức có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

1. Bị phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng;

2. Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng;

3. Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được tuyển dụng vào đơn vị sự nghiệp công lập;

4. Nghiện ma túy có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

5. Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 07 ngày làm việc trở lên trong một tháng hoặc từ 20 ngày làm việc trở lên trong một năm mà không có lý do chính đáng được tính trong tháng dương lịch; năm dương lịch;

6. Vi phạm ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự; quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ luật lao động; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định khác của pháp luật liên quan đến viên chức.

Phần II. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân; Chức năng nhiệm vụ của Trung tâm y tế huyện và trạm y tế;

Nội dung 1. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ sức khỏe. Nguyên tắc chỉ đạo công tác bảo vệ sức khỏe (Điều 1, 2 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

- Điều 1 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ sức khỏe.

1. Công dân có quyền được bảo vệ sức khỏe, nghỉ ngơi, giải trí, rèn luyện thân thể; được bảo đảm vệ sinh trong lao động, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường sống và được phục vụ về chuyên môn y tế.

2. Bảo vệ sức khỏe là sự nghiệp của toàn dân. Tất cả công dân có nghĩa vụ thực hiện nghiêm chỉnh những quy định của pháp luật về bảo vệ sức khỏe nhân dân để giữ gìn sức khỏe cho mình và cho mọi người.

- Điều 2 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Nguyên tắc chỉ đạo công tác bảo vệ sức khỏe.

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục vệ sinh trong nhân dân; tiến hành các biện pháp dự phòng, cải tạo và làm sạch môi trường sống; bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh lao động, vệ sinh lương thực, thực phẩm và nước uống theo quy định của Hội đồng bộ trưởng.

2. Mở rộng mạng lưới nhà nghỉ, nhà điều dưỡng, cơ sở tập luyện thể dục thể thao; kết hợp lao động, học tập với nghỉ ngơi và giải trí; phát triển thể dục thể thao quần chúng để duy trì và phục hồi khả năng lao động.

3. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng và phát triển mạng lưới phòng, chống dịch, khám bệnh, chữa bệnh; kết hợp phát triển hệ thống y tế Nhà nước với y tế tập thể và y tế tư nhân.

4. Xây dựng nền y học Việt Nam kế thừa và phát triển nền y học, dược học cổ truyền dân tộc; kết hợp y học, dược học hiện đại với y học, dược học cổ truyền dân tộc, nghiên cứu và ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật của y học thế giới vào thực tiễn Việt Nam, xây dựng các mũi nhọn khoa học y học, dược học Việt Nam.

Nội dung 2. Trách nhiệm của Nhà nước trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân (Điều 3 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

1. Nhà nước chăm lo bảo vệ và tăng cường sức khỏe nhân dân; đưa công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách

Nhà nước; quyết định những chế độ chính sách, biện pháp để bảo vệ và tăng cường sức khoẻ nhân dân.

2. Bộ y tế có trách nhiệm quản lý, hoàn thiện, nâng cao chất lượng và phát triển hệ thống phòng bệnh, chống dịch, khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, lưu thông thuốc và thiết bị y tế, kiểm tra việc thực hiện các quy định về chuyên môn nghiệp vụ y, dược.

3. Hội đồng nhân dân các cấp dành tỷ lệ ngân sách thích đáng cho công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân ở địa phương; thường xuyên giám sát, kiểm tra việc tuân theo pháp luật về bảo vệ sức khoẻ nhân dân của Uỷ ban nhân dân cùng cấp, của các cơ quan, các tổ chức xã hội, cơ sở sản xuất, kinh doanh của Nhà nước, tập thể, tư nhân và mọi công dân trong địa phương. Uỷ ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để bảo đảm vệ sinh ăn, ở, sinh hoạt, vệ sinh công cộng cho nhân dân trong địa phương; lãnh đạo các cơ quan y tế trực thuộc, chỉ đạo sự phối hợp giữa các ngành, các tổ chức xã hội trong địa phương để thực hiện những quy định của pháp luật về bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

Nội dung 3. Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các đơn vị vũ trang nhân dân. Trách nhiệm của các tổ chức xã hội trong công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân (Điều 4, 5 Luật Bảo vệ sức khoẻ nhân dân)

- Điều 4 Luật Bảo vệ sức khoẻ nhân dân: Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các đơn vị vũ trang nhân dân.

Các cơ quan Nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh của Nhà nước, các đơn vị vũ trang nhân dân (gọi chung là các tổ chức Nhà nước), các cơ sở sản xuất, kinh doanh của tập thể và tư nhân có trách nhiệm trực tiếp chăm lo, bảo vệ, tăng cường sức khoẻ của những thành viên trong cơ quan, đơn vị mình và đóng góp tiền của, công sức theo khả năng cho công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

- Điều 5 Luật Bảo vệ sức khoẻ nhân dân: Trách nhiệm của các tổ chức xã hội.

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Tổng hội y dược học Việt Nam, Hội y học cổ truyền dân tộc Việt Nam và các tổ chức xã hội khác động viên, giáo dục các thành viên trong tổ chức thực hiện những quy định của pháp luật về bảo vệ sức khoẻ nhân dân và tham gia tích cực vào sự nghiệp bảo vệ sức khoẻ nhân dân trong phạm vi điều lệ của tổ chức mình.

2. Hội chữ thập đỏ Việt Nam tuyên truyền, phổ biến những kiến thức y học thường thức cho hội viên và nhân dân, vận động nhân dân thực hiện các biện pháp giữ gìn sức khoẻ cho bản thân và cho mọi người, hiến máu cứu người; tổ chức cứu trợ nhân dân khi có tai nạn, thiên tai, dịch bệnh và chiến tranh xảy ra.

Nội dung 4. Vệ sinh lương thực, thực phẩm, các loại nước uống và rượu. Vệ sinh nước và các nguồn nước dùng trong sinh hoạt của nhân dân. Vệ sinh trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển và sử dụng hoá chất(Điều 7, 8, 9 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

- Điều 7 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Vệ sinh lương thực, thực phẩm, các loại nước uống và rượu.

1. Các tổ chức Nhà nước, tập thể, tư nhân khi sản xuất, chế biến, bao bì đóng gói, bảo quản, vận chuyển lương thực, thực phẩm, các loại nước uống và rượu phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh. Khi đưa các hoá chất mới, nguyên liệu mới hoặc các chất phụ gia mới vào chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm, các loại nước uống, rượu và sản phẩm các loại bao bì đóng gói phải được phép của Sở y tế.

2. Nghiêm cấm sản xuất, lưu thông, xuất khẩu, nhập khẩu những mặt hàng lương thực, thực phẩm, các loại nước uống và rượu không bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh.

3. Người đang mắc bệnh truyền nhiễm không được làm những công việc có liên quan trực tiếp đến thực phẩm, các loại nước uống và rượu.

- Điều 8 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Vệ sinh nước và các nguồn nước dùng trong sinh hoạt của nhân dân.

1. Các cơ quan, xí nghiệp cấp nước phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh nước dùng trong sinh hoạt của nhân dân.

2. Nghiêm cấm các tổ chức Nhà nước, tập thể, tư nhân và mọi công dân làm ô nhiễm các nguồn nước dùng trong sinh hoạt của nhân dân.

- Điều 9 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Vệ sinh trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển và sử dụng hoá chất.

1. Các tổ chức Nhà nước, tập thể, tư nhân và mọi công dân khi sản xuất, bảo quản, vận chuyển, sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu, diệt cỏ, diệt chuột, hoá chất kích thích sinh trưởng vật nuôi, cây trồng và các loại hoá chất khác phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh, không gây nguy hại đến sức khoẻ con người.

2. Các cơ sở sản xuất mỹ phẩm, đồ chơi trẻ em, đồ dùng vệ sinh cá nhân bằng hoá chất phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh.

Nội dung 5. Vệ sinh trong trường học và nhà trẻ. Vệ sinh trong lao động. Vệ sinh nơi công cộng (Điều 13, 14, 15 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

- Điều 13 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Vệ sinh trong trường học và nhà trẻ.

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, ngành giáo dục và các ngành có liên quan phải từng bước bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, ánh sáng, đồ dùng giảng dạy, học tập ở trường học và nhà trẻ, không làm ảnh hưởng đến sức khoẻ của học sinh và giáo viên.

2. Hiệu trưởng các trường học và Chủ nhiệm các nhà trẻ phải bảo đảm thực hiện chương trình học tập rèn luyện đã được quy định; bảo đảm vệ sinh trường, lớp và nhà trẻ.

- Điều 14 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Vệ sinh trong lao động.

1. Các tổ chức Nhà nước, tập thể và tư nhân phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh về độ nóng, ẩm, khói, bụi, tiếng ồn, rung chuyển và về các yếu tố độc hại khác trong lao động sản xuất để bảo vệ sức khoẻ, phòng, chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh.

2. Đơn vị và cá nhân sử dụng lao động phải tổ chức việc khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động và phải phải bảo đảm trang bị bảo hộ lao động cần thiết cho người lao động.

- Điều 15 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Vệ sinh nơi công cộng.

1. Mọi người phải có trách nhiệm thực hiện những quy định về vệ sinh nơi công cộng.

2. Cấm phóng uế, vứt rác và các chất phế thải khác trên đường phố, vườn hoa, công viên và những nơi công cộng khác.

3. Cấm hút thuốc trong phòng họp, ở rạp chiếu bóng, rạp hát và những nơi quy định khác.

Nội dung 6. Phòng và chống các bệnh nhiễm khuẩn, bệnh dịch. Kiểm dịch (Điều 17, 18 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

- Điều 17 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Phòng và chống các bệnh nhiễm khuẩn, bệnh dịch.

1. Y tế cơ sở phải tổ chức tiêm chủng các loại vắc xin phòng bệnh cho nhân dân.

2. Các tổ chức Nhà nước, tập thể, tư nhân và mọi công dân phải thực hiện các biện pháp phòng, chống các bệnh nhiễm khuẩn, bệnh dịch. Khi phát hiện có

bệnh dịch hoặc nghi có bệnh dịch trong đơn vị, địa phương, cơ quan y tế phải báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan y tế cấp trên.

3. Ủy ban nhân dân các cấp phải bảo đảm công tác phòng dịch, chống dịch tại địa phương.

4. Căn cứ vào tính chất nguy hiểm, mức độ lây lan của từng vụ dịch, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, Bộ trưởng Bộ y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có quyền áp dụng những biện pháp đặc biệt để nhanh chóng dập tắt dịch.

- Điều 18 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Kiểm dịch.

1. Động vật, thực vật, phương tiện vận chuyển hàng hoá ra vào biên giới và quá cảnh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều phải được kiểm dịch.

2. Động vật, thực vật, phương tiện vận chuyển, hàng hoá và bưu phẩm từ vùng có dịch chuyển ra vùng không có dịch đều phải được kiểm dịch tại các đầu mối giao thông và bưu điện.

Nội dung 7. Quyền được khám bệnh và chữa bệnh. Điều kiện hành nghề của thầy thuốc. Trách nhiệm của thầy thuốc (Điều 23, 24, 25 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

- Điều 23 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Quyền được khám bệnh và chữa bệnh.

1. Mọi người khi ốm đau, bệnh tật, bị tai nạn được khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ở nơi công dân cư trú, lao động, học tập. Người bệnh còn được chọn thầy thuốc hoặc lương y, chọn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và ra nước ngoài để khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Hội đồng bộ trưởng.

2. Trong trường hợp cấp cứu, người bệnh được cấp cứu tại bất kỳ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nào. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải tiếp nhận và xử trí mọi trường hợp cấp cứu.

- Điều 24 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Điều kiện hành nghề của thầy thuốc.

Người có bằng tốt nghiệp y khoa ở các trường đại học hoặc trung học và có giấy phép hành nghề do Bộ y tế hoặc Sở y tế cấp được khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế Nhà nước, tập thể, tư nhân.

- Điều 25 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Trách nhiệm của thầy thuốc.

1. Thầy thuốc có nghĩa vụ khám bệnh chữa bệnh, kê đơn và hướng dẫn cách phòng bệnh, tự chữa bệnh cho người bệnh; phải giữ bí mật về những điều có liên quan đến bệnh tật hoặc đời tư mà mình được biết về người bệnh.

2. Thầy thuốc phải có y đức, có tinh thần trách nhiệm, tận tình cứu chữa người bệnh; chấp hành nghiêm chỉnh các quy định chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật y tế; chỉ sử dụng những phương pháp, phương tiện, dược phẩm được Bộ y tế cho phép.

3. Nghiêm cấm hành vi vô trách nhiệm trong cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh làm tổn hại đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm của người bệnh.

Nội dung 8. Giúp đỡ bảo vệ thầy thuốc và nhân viên y tế. Trách nhiệm của người bệnh. Chữa bệnh bằng phẫu thuật (Điều 26, 27, 28 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

- Điều 26 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Giúp đỡ bảo vệ thầy thuốc và nhân viên y tế.

1. Mọi tổ chức và công dân có trách nhiệm giúp đỡ, bảo vệ thầy thuốc và nhân viên y tế khi họ làm nhiệm vụ.

2. Trong trường hợp khẩn cấp để đưa người bệnh hay người bị tai nạn đến cơ sở cấp cứu, thầy thuốc, nhân viên y tế được quyền sử dụng các phương tiện vận chuyển có mặt tại chỗ. Người điều khiển phương tiện phải thực hiện yêu cầu của người thầy thuốc và nhân viên y tế.

3. Nghiêm cấm hành vi làm tổn hại đến sức khoẻ, tính mạng, danh dự, nhân phẩm của thầy thuốc và nhân viên y tế trong khi đang làm nhiệm vụ.

- Điều 27 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Trách nhiệm của người bệnh.

1. Người bệnh có trách nhiệm tôn trọng thầy thuốc và nhân viên y tế; chấp hành những quy định trong khám bệnh, chữa bệnh.

2. Người bệnh phải trả một phần chi phí y tế. Hội đồng bộ trưởng quy định chế độ thu chi phí y tế.

- Điều 28 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Chữa bệnh bằng phẫu thuật.

Thầy thuốc chỉ tiến hành phẫu thuật sau khi được sự đồng ý của người bệnh. Đối với người bệnh chưa thành niên, người bệnh đang bị hôn mê hay mắc bệnh tâm thần thì phải được sự đồng ý của thân nhân hoặc người giám hộ của người bệnh. Trong trường hợp mà thân nhân hay người giám hộ của người bệnh không đồng ý hoặc thân nhân hay người giám hộ vắng mặt, nếu không kịp thời phẫu thuật có thể nguy hại đến tính mạng người bệnh, thì thầy thuốc được quyền quyết định, nhưng phải có sự phê chuẩn của người phụ trách hay người được uỷ quyền của cơ sở y tế đó.

Nội dung 9. Điều kiện hành nghề của lương y. Trách nhiệm của lương y. Giúp đỡ và bảo vệ lương y (Điều 35, 36, 37 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

- Điều 35 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Điều kiện hành nghề của lương y.

Người đã tốt nghiệp ở các trường, lớp hoặc được gia truyền về y học, dược học cổ truyền dân tộc, chữa bệnh bằng các phương pháp y học cổ truyền dân tộc hoặc bằng các bài thuốc gia truyền và có giấy phép hành nghề do Bộ y tế hoặc Sở y tế cấp được khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế Nhà nước, tập thể và tư nhân.

- Điều 36 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Trách nhiệm của lương y.

1. Lương y có nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh và hướng dẫn cách phòng bệnh, tự chữa bệnh cho người bệnh; phải có y đức, có tinh thần trách nhiệm tận tình cứu chữa người bệnh.

2. Những bài thuốc mới, phương pháp chữa bệnh mới phải được Bộ y tế hoặc Sở y tế cùng với Hội y học cổ truyền dân tộc cùng cấp kiểm tra xác nhận mới được áp dụng vào khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân.

3. Nghiêm cấm việc sử dụng các hình thức mê tín trong khám bệnh, chữa bệnh.

- Điều 37 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Giúp đỡ và bảo vệ lương y.

1. Nhà nước bảo đảm quyền tác giả cho lương y về việc phổ biến những bài thuốc, vị thuốc và dược liệu quý, phương pháp chữa bệnh gia truyền có hiệu quả của mình.

2. Mọi người có trách nhiệm giúp đỡ và bảo vệ lương y cũng như đối với thầy thuốc theo quy định tại Điều 26 của Luật này.

Nội dung 10. Thực hiện kế hoạch hoá gia đình. Bảo vệ sức khoẻ trẻ em (Điều 43, 46 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

- Điều 43 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Thực hiện kế hoạch hoá gia đình.

1. Mọi người có trách nhiệm thực hiện kế hoạch hoá gia đình, có quyền lựa chọn biện pháp sinh đẻ có kế hoạch theo nguyện vọng. Mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ một đến hai con.

2. Nhà nước có chính sách, biện pháp khuyến khích và tạo điều kiện cần thiết cho mọi người thực hiện kế hoạch hoá gia đình. Các cơ sở chuyên khoa phụ sản của Nhà nước, tập thể và tư nhân phải thực hiện yêu cầu của mọi người về việc lựa chọn biện pháp sinh đẻ có kế hoạch theo nguyện vọng.

3. Các cơ quan y tế, văn hoá, giáo dục, thông tin đại chúng và các tổ chức xã hội có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục kiến thức về dân số và kế hoạch hoá gia đình cho nhân dân.

4. Nghiêm cấm hành vi gây trở ngại hoặc cưỡng bức trong việc thực hiện kế hoạch hoá gia đình.

- Điều 46 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Bảo vệ sức khoẻ trẻ em.

1. Trẻ em được y tế cơ sở quản lý sức khỏe, được tiêm chủng phòng bệnh, phòng dịch, được khám bệnh, chữa bệnh.

2. Ngành y tế có trách nhiệm phát triển, củng cố mạng lưới chăm sóc bảo vệ sức khỏe trẻ em.

3. Cha mẹ, người nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm thực hiện những quy định về kiểm tra sức khỏe và tiêm chủng theo kế hoạch của y tế cơ sở, chăm lo trẻ em khi đau ốm và thực hiện các quyết định của người thầy thuốc trong khám bệnh, chữa bệnh đối với trẻ em.

Nội dung 11. Khen thưởng. Xử lý các vi phạm (Điều 52, 53 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

- Điều 52 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Khen thưởng.

Địa phương, đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân được Nhà nước khen thưởng vật chất và tinh thần.

Thầy thuốc, lương y, dược sĩ và nhân viên y tế khác có nhiều công hiến trong sự nghiệp bảo vệ sức khỏe nhân dân, có trình độ nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật giỏi, có đạo đức, được nhân dân và đồng nghiệp tín nhiệm thì được xét tặng danh hiệu cao quý của Nhà nước.

- Điều 53 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân: Xử lý các vi phạm.

Người nào có những hành vi sau đây thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng sẽ bị xử lý kỷ luật, bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

1. Vi phạm các quy định về giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, phòng và chống dịch, bệnh.

2. Vi phạm các quy định về khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất thuốc và bán thuốc.

3. Vi phạm các quy định về vệ sinh lương thực, thực phẩm, vệ sinh lao động và các quy định khác của Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Ngoài những hình thức xử lý nói trên, người nào có hành vi vi phạm quy định tại các điểm 1, 2, 3 của Điều này nếu gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng, tài sản của người khác thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Nội dung 12. Vị trí pháp lý, Chức năng, lãnh đạo Trung tâm Y tế quận huyện (Điều 2, 3, 5 Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương).

-Điều 2 Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế: Vị trí pháp lý.

1. Trung tâm Y tế huyện là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế, có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, tài khoản riêng được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm Y tế huyện chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của Sở Y tế; chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị y tế tuyến tỉnh, Trung ương; chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

-Điều 3 Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế: Chức năng.

Trung tâm Y tế huyện có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

-Điều 5 Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế: Lãnh đạo Trung tâm Y tế huyện.

1. Trung tâm Y tế huyện có Giám đốc, các Phó Giám đốc; số lượng các Phó Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Việc bổ nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm Y tế huyện do Giám đốc Sở Y tế quyết định theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và quy định của pháp luật. Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm Y tế huyện thực hiện theo quy định của pháp luật.

Nội dung 13. Các phòng chức năng, khoa chuyên môn thuộc Trung tâm Y tế huyện (Điều 6, 7 Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương).

- Điều 6 Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế: Các Phòng chức năng thuộc Trung tâm Y tế huyện.

1. Trung tâm Y tế huyện có các Phòng chức năng sau:

- a) Phòng Tổ chức - Hành chính;
- b) Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ;

- c) Phòng Tài chính - Kế toán;
- d) Phòng Điều dưỡng.

2. Căn cứ vào tính chất, đặc điểm của từng địa phương, Giám đốc Sở Y tế quyết định theo thẩm quyền việc thành lập, chia tách, lồng ghép các Phòng chức năng thuộc Trung tâm Y tế huyện; quy định nhiệm vụ cụ thể của các Phòng chức năng theo hướng dẫn tại Điều này và các Phòng khác (nếu có) bảo đảm giúp Giám đốc Trung tâm Y tế huyện quản lý các hoạt động phù hợp với nhu cầu thực tế và theo quy định của pháp luật.

- Điều 7 Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế: Các Khoa chuyên môn thuộc Trung tâm Y tế huyện.

1. Trung tâm Y tế huyện có các Khoa chuyên môn sau:

- a) Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS;
- b) Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng;
- c) Khoa An toàn thực phẩm;
- d) Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản;
- đ) Khoa Khám bệnh/Phòng khám đa khoa;
- e) Khoa Hồi sức cấp cứu;
- g) Khoa Nội tổng hợp;
- h) Khoa Ngoại tổng hợp;
- i) Khoa Nhi;
- k) Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng;
- l) Khoa Liên chuyên khoa (Răng Hàm Mặt - Mắt - Tai Mũi Họng);
- m) Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế;
- n) Khoa Truyền nhiễm;
- o) Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;
- p) Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh.

2. Căn cứ vào tính chất, đặc điểm của từng địa phương, Giám đốc Sở Y tế quyết định theo thẩm quyền việc thành lập, chia tách, lồng ghép các Khoa chuyên môn thuộc Trung tâm Y tế huyện; quy định nhiệm vụ cụ thể của các Khoa chuyên môn theo hướng dẫn tại Điều này và các khoa khác (nếu có) bảo đảm triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật phù hợp với nhu cầu thực tế và theo quy định của pháp luật.

Nội dung 14. Nguồn tài chính của Trung tâm Y tế huyện (Điều 10 Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng,

nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương).

- Điều 10 Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế: Nguồn tài chính.

1. Nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước bảo đảm:

a) Kinh phí bảo đảm các chế độ chính sách về tiền lương, phụ cấp do nhà nước quy định;

b) Kinh phí chi hoạt động thường xuyên của các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh, trạm y tế xã, phường, thị trấn và y tế thôn, bản;

c) Kinh phí hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ về y tế dự phòng của Trung tâm;

d) Kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với phần chi phí chưa kết cấu vào giá dịch vụ;

đ) Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi không thường xuyên;

e) Kinh phí thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị để bảo đảm hoạt động của Trung tâm theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Nguồn thu từ các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực y tế - dân số; nguồn thu phí, lệ phí từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn tài chính, tài sản của các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án viện trợ không hoàn lại, các dự án ODA, các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Nội dung 15. Nhiệm vụ thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng; Khám bệnh, chữa bệnh; Chăm sóc sức khỏe sinh sản của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn (Điểm a, b, c khoản 1 Điều 2 Thông tư số 33/2015/ TT- BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn).

Điểm a, b, c khoản 1 Điều 2 Thông tư số 33/2015/ TT- BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế: Thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật.

1. Thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật:

a) Về y tế dự phòng:

- Thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về tiêm chủng vắc xin phòng bệnh;

- Giám sát, thực hiện các biện pháp kỹ thuật phòng, chống bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân; phát hiện và báo cáo kịp thời các bệnh, dịch;

- Hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật về vệ sinh môi trường, các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe tại cộng đồng; phòng chống tai nạn thương tích, xây dựng cộng đồng an toàn; y tế học đường; dinh dưỡng cộng đồng theo quy định của pháp luật;

- Tham gia kiểm tra, giám sát và triển khai các hoạt động về an toàn thực phẩm trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật.

b) Về khám bệnh, chữa bệnh; kết hợp, ứng dụng y học cổ truyền trong phòng bệnh và chữa bệnh:

- Thực hiện sơ cứu, cấp cứu ban đầu;

- Tổ chức khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo phân tuyến kỹ thuật và phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định của pháp luật;

- Kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong khám bệnh, chữa bệnh bằng các phương pháp dùng thuốc và các phương pháp không dùng thuốc; ứng dụng, kế thừa kinh nghiệm, bài thuốc, phương pháp điều trị hiệu quả, bảo tồn cây thuốc quý tại địa phương trong chăm sóc sức khỏe nhân dân;

- Tham gia khám sơ tuyến nghĩa vụ quân sự

c) Về chăm sóc sức khỏe sinh sản:

- Triển khai các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về quản lý thai; hỗ trợ đẻ và đỡ đẻ thường;

- Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em theo phân tuyến kỹ thuật và phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định của pháp luật.

Phần III. Một số Quy định hoạt động chuyên môn tại tuyến y tế cơ sở.

Nội dung 1. Tiêu chí vùng 1,2, 3 (Mục I. Tiêu chí phân vùng các xã theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020;):

*** Tiêu chí vùng 1:**

- Xã đồng bằng, trung du có khoảng cách từ Trạm y tế đến bệnh viện, trung tâm y tế hoặc Phòng khám đa khoa khu vực gần nhất <3 km.

- Phường, thị trấn khu vực đô thị.

- Các xã có điều kiện địa lý, giao thông thuận lợi, người dân dễ dàng tiếp cận đến Trạm y tế xã và bệnh viện, trung tâm y tế, Phòng khám đa khoa khu vực.

*** Tiêu chí vùng 2:**

- Xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo có khoảng cách từ Trạm y tế đến bệnh viện, trung tâm y tế hoặc Phòng khám đa khoa khu vực gần nhất <5 km (nếu có địa hình đặc biệt khó khăn, <3 km).

- Xã đồng bằng, trung du có khoảng cách từ Trạm y tế đến bệnh viện, trung tâm y tế hoặc Phòng khám đa khoa khu vực gần nhất từ 3 đến <15 km.

- Các xã có điều kiện địa lý, giao thông bình thường, người dân có thể tiếp cận đến Trạm Y tế xã và bệnh viện, trung tâm y tế, Phòng khám đa khoa khu vực.

*** Tiêu chí vùng 3:**

- Xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có khoảng cách từ Trạm Y tế đến Bệnh viện, trung tâm y tế hoặc Phòng khám đa khoa khu vực gần nhất từ 5 km trở lên (nếu có địa hình đặc biệt khó khăn, từ 3 km trở lên).

- Xã đồng bằng, trung du có khoảng cách từ Trạm Y tế đến bệnh viện, trung tâm y tế hoặc Phòng khám đa khoa khu vực gần nhất từ 15 km trở lên.

- Các xã có điều kiện địa lý, giao thông khó khăn, người dân khó tiếp cận đến Trạm Y tế xã và khó đến Bệnh viện, Trung tâm y tế hoặc Phòng khám đa khoa khu vực.

Nội dung 2. Chức năng nhiệm vụ chính của Trạm Y tế vùng 1 (Mục II. Chức năng, nhiệm vụ chính của TYT xã theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020):

- Thường trực Ban chăm sóc sức khỏe cấp xã, xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai kế hoạch sau khi được phê duyệt.
- Tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn:
 - + Truyền thông - giáo dục sức khỏe: Tư vấn, tuyên truyền về dịch bệnh và các biện pháp phòng chống; vận động quần chúng tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe.
 - + Y tế dự phòng: Tiêm chủng mở rộng; phòng chống HIV/AIDS; phòng chống bệnh lây nhiễm, bệnh không lây; báo cáo dịch bệnh; giám sát dịch bệnh, vệ sinh môi trường; y tế học đường; An toàn thực phẩm; dinh dưỡng cộng đồng.
 - + Khám, chữa bệnh: Sơ cấp cứu ban đầu; Khám chữa bệnh ban đầu; kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại; điều trị ngoại trú. Không bắt buộc có điều trị nội trú, đỡ đẻ thường, kỹ thuật phụ sản, kỹ thuật nhi.
 - + Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em: Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, Chăm sóc sức khỏe trẻ em, Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, quản lý thai sản.
 - + Quản lý sức khỏe: Quản lý các bệnh mạn tính, bệnh không lây, quản lý sức khỏe hộ gia đình, quản lý sức khỏe học đường, khám sơ tuyển nghĩa vụ quân sự.
 - + Thuốc thiết yếu: Quản lý nguồn thuốc, sử dụng thuốc an toàn và hợp lý, ứng dụng y học cổ truyền. Không bắt buộc có vườn cây thuốc nam.
- Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và quản lý; hướng dẫn, kiểm tra y tế thôn bản, cộng tác viên y tế.
- Dân số - Kế hoạch hóa gia đình: Cung cấp dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình theo phân tuyến kỹ thuật. Không bắt buộc cung cấp dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình.
- Tham gia kiểm tra hoạt động hành nghề y, dược ngoài công lập và các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe: Phát hiện và báo cáo các vi phạm hoạt động y tế; An toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường.
- Quản lý viên chức, cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo theo quy định
- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Trung tâm y tế huyện giao và theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Nội dung 3. Chức năng nhiệm vụ chính của Trạm Y tế vùng 2 (Mục II. Chức năng, nhiệm vụ chính của Trạm y tế xã theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020):

- Thường trực Ban Chăm sóc sức khỏe cấp xã, xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai kế hoạch sau khi được phê duyệt.
- Tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn:
 - + Truyền thông – Giáo dục sức khỏe: Tư vấn, tuyên truyền về dịch bệnh và các biện pháp phòng chống; vận động quần chúng tham gia các hoạt động Chăm sóc sức khỏe.
 - + Y tế dự phòng: Tiêm chủng mở rộng; phòng chống HIV/AIDS; phòng chống bệnh lây nhiễm, bệnh không lây; báo cáo dịch bệnh; giám sát dịch bệnh, vệ sinh môi trường; y tế học đường; An toàn thực phẩm; dinh dưỡng cộng đồng.
 - + Khám, chữa bệnh: Sơ cấp cứu ban đầu; Khám chữa bệnh ban đầu; kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại; điều trị ngoại trú. Không bắt buộc có điều trị nội trú, đỡ đẻ thường, kỹ thuật phụ sản, kỹ thuật nhi.
 - + Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em: Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, Chăm sóc sức khỏe trẻ em, Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, quản lý thai sản.
 - + Quản lý sức khỏe: Quản lý các bệnh mạn tính, bệnh không lây, quản lý sức khỏe hộ gia đình, quản lý sức khỏe học đường, khám sơ tuyển nghĩa vụ quân sự.
 - + Thuốc thiết yếu: Quản lý nguồn thuốc, sử dụng thuốc an toàn và hợp lý, phát triển vườn thuốc nam, ứng dụng y học cổ truyền.
 - Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và quản lý; hướng dẫn, kiểm tra y tế thôn bản, cộng tác viên y tế.
 - Dân số - Kế hoạch hóa gia đình: Cung cấp dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình theo phân tuyến kỹ thuật.
 - Tham gia kiểm tra hoạt động hành nghề y, dược ngoài công lập và các

yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe: Phát hiện và báo cáo các vi phạm hoạt động y tế; An toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường.

- Quản lý viên chức, cơ sở vật chất, Trang thiết bị
- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo theo quy định
- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Trung tâm y tế huyện giao và theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Nội dung 4. Chức năng nhiệm vụ chính của Trạm Y tế vùng 3 (Mục II. Chức năng, nhiệm vụ chính của Trạm y tế xã theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020):

- Thường trực Ban Chăm sóc sức khỏe cấp xã, xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai kế hoạch sau khi được phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn:

- + Truyền thông - Giáo dục sức khỏe: Tư vấn, tuyên truyền về dịch bệnh và các biện pháp phòng chống; vận động quần chúng tham gia các hoạt động Chăm sóc sức khỏe.

- + Y tế dự phòng: Tiêm chủng mở rộng; phòng chống HIV/AIDS; phòng chống bệnh lây nhiễm, bệnh không lây; báo cáo dịch bệnh; giám sát dịch bệnh, vệ sinh môi trường; y tế học đường; An toàn thực phẩm; dinh dưỡng cộng đồng.

- + Khám, chữa bệnh: Sơ cấp cứu ban đầu; Khám chữa bệnh ban đầu; kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại; điều trị ngoại trú, nội trú đa khoa (có thể có chuyên khoa); đỡ đẻ thường; kỹ thuật phụ sản; kỹ thuật nhi.

- + Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em: Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, Chăm sóc sức khỏe trẻ em, Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, quản lý thai sản.

- + Quản lý sức khỏe: Quản lý các bệnh mạn tính, bệnh không lây, quản lý sức khỏe hộ gia đình, quản lý sức khỏe học đường, khám sơ tuyển nghĩa vụ quân sự.

- + Thuốc thiết yếu: Quản lý nguồn thuốc, sử dụng thuốc an toàn và hợp lý, phát triển vườn thuốc nam, ứng dụng y học cổ truyền.

- Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và quản lý; hướng dẫn, kiểm tra y tế thôn bản, cộng tác viên y tế.

- Dân số - Kế hoạch hóa gia đình: Cung cấp dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình theo phân tuyến kỹ thuật.

- Tham gia kiểm tra hoạt động hành nghề y, được ngoài công lập và các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe: Phát hiện và báo cáo các vi phạm hoạt động y tế; An toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường.

- Quản lý viên chức, cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Thực hiện chế độ thông kê, báo cáo theo quy định

- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Trung tâm y tế huyện giao và theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Nội dung 5. Tiêu chí về nhân lực y tế theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020 (Mục 3 và 4 của Tiêu chí 2: nhân lực y tế, phần III. Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020 và hướng dẫn chấm điểm)

*** Đảm bảo đủ số lượng người làm việc và cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo đề án vị trí việc làm của Trạm y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các cán bộ được đào tạo, tập huấn chuyên môn theo quy định hiện hành:**

- Đảm bảo đủ số lượng người làm việc theo đề án vị trí việc làm của Trạm y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Đảm bảo đủ chức danh nghề nghiệp cần có tại Trạm y tế theo quy định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Cán bộ y tế được đào tạo lại và đào tạo liên tục, tập huấn chuyên môn theo quy định hiện hành quy định tại Thông tư 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế (được tập huấn tối thiểu 24 giờ học/năm; ít nhất 2 năm/lần).

*** Có bác sỹ làm việc tại Trạm y tế xã:**

- Vùng 3 và Vùng 2:

+ Có bác sỹ thuộc biên chế của Trạm y tế xã hoặc ký hợp đồng làm việc thường xuyên tại trạm y tế xã.

+ Có bác sỹ làm việc tại Trạm y tế tối thiểu 2 buổi/tuần theo lịch được thông báo trước.

- Vùng 1:

+ Có bác sỹ làm việc tại Trạm y tế thường xuyên hoặc tối thiểu 2 buổi/tuần theo lịch được thông báo trước. (thể hiện bằng quyết định hoặc công văn của tuyến trên, phân công khám chữa bệnh tại trạm y tế xã thường xuyên).

+ Mỗi buổi làm việc (1/2 ngày) phải ở các ngày khác nhau trong tuần. Bác sỹ làm việc cả 1 ngày tại Trạm y tế xã (cả sáng và chiều) thì chỉ được tính 1 buổi.

Nội dung 6. Các hoạt động theo dõi và giám sát Vệ sinh môi trường, sức khỏe lao động, phòng chống tai nạn thương tích, An toàn thực phẩm và Công nghệ thông tin của Trạm Y tế theo Quyết định 5924/QĐ-BYT về việc ban hành bộ biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của trạm y tế xã (Mục IX: Vệ sinh môi trường, sức khỏe lao động, phòng chống tai nạn thương tích, Mục X: An toàn thực phẩm và Mục XI: Công nghệ thông tin, Phần A. Chỉ số hoạt động chuyên môn y tế, Biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm y tế xã theo Quyết định 5924/QĐ-BYT của Bộ Y tế về việc ban hành bộ biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của trạm y tế xã):

*** Các hoạt động Vệ sinh môi trường, sức khỏe lao động, phòng chống tai nạn thương tích:**

- Nhà vệ sinh đáp ứng yêu cầu
- Thực hiện xử lý chất thải y tế theo đúng quy định
- Có theo dõi, thống kê tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh
- Có theo dõi, thống kê tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh.

- Có theo dõi thống kê các trường hợp bị tai nạn thương tích trên địa bàn.

*** An toàn thực phẩm:**

- Nhân viên làm công tác An toàn thực phẩm có được đào tạo, tập huấn trong vòng 1 năm qua không?

- Trạm có thực hiện việc thanh tra, kiểm tra An toàn thực phẩm không?

- Trạm có theo dõi, thống kê các vụ ngộ độc thực phẩm không?

*** Công nghệ thông tin:**

1. Số cán bộ sử dụng thành thạo máy tính

2. Số lượng máy tính tại trạm

3. Triển khai thực hiện các phần mềm:

3.1. Tiêm chủng quốc gia

- 3.2. Quản lý bệnh không lây nhiễm Trạm y tế xã
 - 3.3. Quản lý kết nối thanh quyết toán khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế với cơ quan bảo hiểm xã hội
 - 3.4. Hồ sơ sức khỏe cá nhân
 - 3.5. Thống kê y tế điện tử
 - 3.6. Quản lý bệnh không lây nhiễm
4. Triển khai hoạt động tư vấn khám chữa bệnh từ xa (Telemedicine).

Nội dung 7. Các hoạt động theo dõi và giám sát Về phòng, chống bệnh không lây nhiễm và Về phòng, chống HIV/AIDS của Trạm Y tế theo Quyết định 5924/QĐ-BYT về việc ban hành bộ biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của trạm y tế xã (Mục IV: Về phòng, chống bệnh không lây nhiễm và Mục V: Về phòng, chống HIV/AIDS, phần A. Chỉ số hoạt động chuyên môn y tế, Biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm y tế xã theo Quyết định 5924/QĐ-BYT của Bộ Y tế về việc ban hành bộ biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của trạm y tế xã):

*** Về phòng, chống bệnh không lây nhiễm:**

- Có sàng lọc phát hiện sớm tăng huyết áp (% số người ≥ 40 tuổi được đo huyết áp ít nhất 1 lần/năm so với tổng dân số ≥ 40 tuổi của xã).

- Tỷ lệ bệnh nhân tăng huyết áp được quản lý điều trị tại trạm y tế. (% số người đang được quản lý điều trị tăng huyết áp so với tổng số bệnh nhân tăng huyết áp hiện mắc tại xã (số hiện mắc ước tính bằng 12% dân số của xã)

- Có sàng lọc phát hiện người có nguy cơ cao hoặc nghi ngờ mắc đái tháo đường cho người từ 40 tuổi trở lên ít nhất 1 lần/năm (% số người ≥ 40 tuổi được sàng lọc nguy cơ đái tháo đường ít nhất 1 lần/năm so với tổng dân số ≥ 40 tuổi của xã). (Sàng lọc được thực hiện bằng phiếu đánh giá nguy cơ và/hoặc có xét nghiệm đường máu mao mạch)

- Tỷ lệ bệnh nhân đái tháo đường được quản lý điều trị tại trạm y tế.

- Có quản lý điều trị các bệnh không lây nhiễm khác như: Tim mạch, hen phế quản, COPD (khám, kê đơn điều trị ngoại trú, cấp phát thuốc bảo hiểm y tế, có hồ sơ theo dõi lâu dài).

*** Về phòng, chống HIV/AIDS:**

- Có phát các vật dụng can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV (Bao cao su, bơm kim tiêm) cho các đối tượng nguy cơ cao (Người nghiện

chích ma túy, phụ nữ bán dâm, nam quan hệ tình dục đồng giới, bạn tình của người nhiễm HIV) hay không?

- Có xét nghiệm sàng lọc HIV hay không?

- Trạm y tế có quản lý danh sách người nhiễm HIV không?: (1) Có quản lý danh sách người nhiễm HIV và (2) Có thông tin người nhiễm HIV được điều trị ARV.

Nội dung 8. Các hoạt động theo dõi và giám sát Về truyền thông giáo dục sức khỏe của Trạm Y tế theo Quyết định 5924/QĐ-BYT về việc ban hành bộ biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của trạm y tế xã (mục I: Truyền thông giáo dục sức khỏe, phần A. Chỉ số hoạt động chuyên môn y tế, Biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm y tế xã theo Quyết định 5924/QĐ-BYT của Bộ Y tế về việc ban hành bộ biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của trạm y tế xã):

1. Có các trang thiết bị truyền thông (Ti vi, loa, đài, ...) tại các phòng khám, sảnh chờ, hoặc khu vực truyền thông.

2. Có các tài liệu, thông điệp truyền thông Giáo dục sức khỏe về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, phòng chống bệnh không lây nhiễm (Tăng huyết áp/Đái tháo đường,...), nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng, tăng cường vận động thể lực, vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh; phòng chống tai nạn thương tích, sức khỏe nghề nghiệp như: tờ gấp, tranh lật, apphich; có và thường xuyên phát các thông điệp truyền thanh, thông điệp truyền hình, phim tài liệu trên TV, loa, đài của trạm...

3. Có tổ chức các hoạt động truyền thông Giáo dục sức khỏe trực tiếp tại trạm y tế bằng các hình thức như:

- Tư vấn trực tiếp

- Tư vấn nhóm nhỏ

- Nói chuyện chuyên đề

- Sinh hoạt câu lạc bộ (người cao tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ có con nhỏ...)

4. Truyền thông trực tiếp tại cộng đồng bằng các hình thức như: Thăm hộ gia đình, tư vấn trực tiếp tại nhà, nói chuyện chuyên đề tại cộng đồng, sinh hoạt câu lạc bộ, tổ chức sự kiện truyền thông tại cộng đồng (thôn, xóm, bản, làng, ấp, tổ dân phố...)

5. Truyền thông Giáo dục sức khỏe trên loa đài xã, phường.

6. Cán bộ chuyên trách truyền thông Trạm y tế xã và nhân viên y tế thôn, bản có được tham dự tập huấn về:

- Kỹ năng giao tiếp

- Kỹ năng truyền thông thay đổi hành vi (tư vấn, nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt câu lạc bộ,...)

- Xây dựng tài liệu truyền thông

- Tổ chức các sự kiện truyền thông.

Nội dung 09. Các hoạt động theo dõi và giám sát Về khám bệnh, chữa bệnh và y học cổ truyền quy định tại Quyết định 5924/QĐ-BYT về việc ban hành bộ biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của trạm y tế xã (Mục VI: Về khám bệnh, chữa bệnh, Mục VII: Về Y dược cổ truyền, Phần A. Chỉ số hoạt động chuyên môn y tế, Biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm y tế xã theo Quyết định 5924/QĐ-BYT của Bộ Y tế về việc ban hành bộ biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của trạm y tế xã):

VI.	Về khám bệnh, chữa bệnh
1.	Tổng số lượt người đến khám, chữa bệnh/ tháng tại trạm (không tính đến tiêm chủng)
2.	Có thực hiện khám chữa bệnh ban đầu bảo hiểm y tế
3.	Số kỹ thuật trong gói dịch vụ y tế cơ bản quy định tại Thông tư 39 trạm đã thực hiện được
4.	Danh mục thuốc thuộc gói dịch vụ y tế cơ bản tại TT 39
5.	Thuốc huyết áp, tiểu đường trong Danh mục thuốc thuộc gói dịch vụ y tế cơ bản tại TT 39
VII.	Về Y dược cổ truyền
1.	Tỷ lệ khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền; kết hợp y học cổ truyền với Y học hiện đại so với tổng số khám chữa bệnh chung (Quyết định 2166/QĐ-TTg)

2.	Điều trị bệnh bằng phương pháp không dùng thuốc y học cổ truyền theo danh mục dịch vụ kỹ thuật quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BYT (gói dịch vụ y tế cơ bản)
3.	Trạm y tế có sử dụng vị thuốc cổ truyền (bao gồm vị thuốc có nguồn gốc trong nước và nước ngoài)

Nội dung 10. Các hoạt động theo dõi và giám sát Về chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em quy định tại Quyết định 5924/QĐ-BYT về việc ban hành bộ biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của trạm y tế xã (Mục VIII: Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, Phần A. Chỉ số hoạt động chuyên môn y tế, Biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm y tế xã theo Quyết định 5924/QĐ-BYT của Bộ Y tế về việc ban hành bộ biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của trạm y tế xã)

1	Tỷ lệ (%) phụ nữ có thai được quản lý thai tại trạm
2	% phụ nữ có thai được uống viên sắt/folic
3	% bà mẹ đẻ có cán bộ được đào tạo hỗ trợ
4	Tỷ lệ % bà mẹ đẻ được xét nghiệm sàng lọc HIV, Viêm gan B và Giang mai trong thời kỳ mang thai
5	% phụ nữ 35-54 tuổi được khám sàng lọc ung thư cổ tử cung tại trạm
6	Số trẻ em dưới 2 tuổi suy dinh dưỡng giảm so với cùng kỳ
7	% trẻ sơ sinh được tiêm Vitamin K1
8	% trẻ từ 6-36 tháng được uống Vitamin A
9	Trạm y tế có thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em trong xã hay không
10	Có triển khai thực hiện công tác y tế trường học theo quy định.

Nội dung 11. Các hoạt động theo dõi và giám sát Về công tác truyền thông giáo dục về dân số và phát triển, Quản lý thông tin dân số của hộ gia đình quy định tại Quyết định 5924/QĐ-BYT về việc ban hành bộ biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của trạm y tế xã (Mục 6: Truyền thông giáo dục về dân số và phát triển và Mục 7: Quản lý thông tin dân số của hộ gia đình, Phần B. Chỉ số hoạt động chuyên môn dân số, Biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của Trạm y tế xã theo Quyết định 5924/QĐ-BYT của Bộ Y tế về việc ban hành bộ biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của trạm y tế xã):

6. Truyền thông giáo dục về dân số và phát triển

- Phát các tờ gấp, tranh lật, apphich về dân số và phát triển; phát các thông điệp truyền thanh, thông điệp truyền hình, phim tài liệu về dân số và phát triển trên TV, loa, đài của trạm...

- Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn trực tiếp về tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân; tầm soát, chẩn đoán và điều trị sớm bệnh tật trước sinh và sơ sinh; giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi tại cộng đồng; giảm tỷ lệ phá thai vị thành niên/thành niên... dành cho các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, phụ nữ mang thai,

- Tổ chức nói chuyện chuyên đề cho các nhóm đối tượng: Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và phụ nữ mang thai, vị thành niên/thành niên, nam giới chủ hộ gia đình, người cao tuổi, người có uy tín trong cộng đồng.

- Định kỳ, hàng tuần đưa các thông tin về dân số và phát triển trên hệ thống loa truyền thanh xã.

- Tuyên truyền vận động trực tiếp tại cụm dân cư và hộ gia đình.

7. Quản lý thông tin dân số của hộ gia đình

- Phiếu thu tin được cập nhật đầy đủ.

- Cập nhật thông tin đầy đủ vào sổ A0

- Báo cáo thống kê định kỳ (01,02,03)

- Báo cáo giao ban định kỳ

Nội dung 12. Sử dụng khẩu trang (Tiểu mục 2.2, Mục 2. Sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân, Phần Hướng dẫn phòng ngừa chuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Quyết định số 3671/QĐ-BYT ngày 27/9/2012 của Bộ Y tế về việc phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn)

2.2. Sử dụng khẩu trang

2.2.1. Mang khẩu trang y tế khi:

- Dự kiến sẽ bị bắn máu dịch tiết vào mặt mũi trong chăm sóc người bệnh.
- Khi làm việc trong khu phẫu thuật hoặc trong các khu vực đòi hỏi vô khuẩn khác.
- Khi chăm sóc người bệnh có nghi ngờ hoặc mắc nhiễm khuẩn đường hô hấp hoặc khi nhân viên y tế đang có bệnh đường hô hấp.

Chú ý:

- Khẩu trang chỉ nên sử dụng một lần, sau khi sử dụng không bỏ túi để dùng lại hay đeo quanh cổ.
- Thay mới khi khẩu trang bị ẩm ướt rách.
- Trong khi thực hiện thủ thuật, phẫu thuật nên dùng loại khẩu trang có dây cột.

2.2.2. Cách mang khẩu trang y tế:

Đặt khẩu trang theo chiều như sau: Thanh kim loại nằm trên và uốn ôm khít sống mũi, nếp gấp khẩu trang theo chiều xuống, mặt thấm tiếp xúc với người đeo, mặt không thấm nằm bên ngoài. Đeo dây chun vào sau tai, nếu là dây cột thì cột một dây trên tai và một dây ở cổ. Khẩu trang phải che phủ mặt và dưới cằm. (Hình 2)

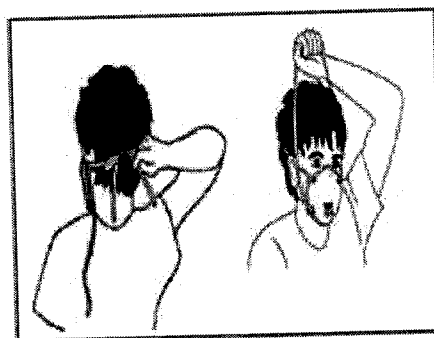
2.2.3. Cách tháo khẩu trang y tế:

Không nên sờ vào mặt ngoài khẩu trang. Tháo dây cột khẩu trang và bỏ vào thùng chất thải lây nhiễm (Hình 2)

Hình 2: Cách mang và tháo khẩu trang

a. Mang khẩu trang

b. Tháo khẩu trang



Nội dung 13. Vệ sinh môi trường (mục 8. Vệ sinh môi trường, Phần Hướng dẫn phòng ngừa chuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Quyết định số 3671/QĐ-BYT ngày 27/9/2012 của Bộ Y tế về việc phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn)

8. Vệ sinh môi trường:

8.1. Hàng ngày làm sạch và khử khuẩn các bề mặt dễ bị nhiễm vi sinh vật như các vật dụng xung quanh người bệnh như thanh giường, tủ đầu giường, và các vật dụng thường xuyên sờ vào như tay nắm cửa, vật dụng trong nhà vệ sinh.

8.2. Làm vệ sinh môi trường khoa phòng sớm trước giờ khám bệnh chữa bệnh. Không làm vệ sinh trong buồng bệnh khi bác sĩ điều dưỡng đang làm thủ thuật chuyên môn.

8.3. Cần kiểm tra hóa chất và nồng độ hóa chất sử dụng trong vệ sinh làm sạch.

8.4. Cần chú ý làm sạch và khử khuẩn đồ chơi của trẻ em.

8.5. Tuân theo đúng nguyên tắc làm vệ sinh từ vùng có nguy cơ thấp đến vùng có nguy cơ cao, từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài.

- Thu gom rác trước khi lau bề mặt môi trường.

- Làm sạch hàng ngày các bề mặt như sàn nhà, bàn ghế, lavabo vệ sinh tay...

- Khi bề mặt môi trường bị dính hoặc đổ máu, chất tiết, chất bài tiết phải được khử khuẩn bề mặt bằng dung dịch chứa 0.5% Chlorin trước khi lau.

- Áp dụng phương pháp lau ẩm, không được quét khô trong các khu vực chuyên môn (trừ khu ngoại cảnh).

- Thường xuyên thay khăn lau, dung dịch khử khuẩn làm sạch và giặt, làm khô khăn lau sau khi sử dụng.

8.6. Người làm vệ sinh phải mang phương tiện phòng hộ thích hợp.

Nội dung 14. Kỹ thuật vệ sinh tay thường quy (Mục 3. Kỹ thuật vệ sinh tay thường quy, Phần III. Nội dung thực hành vệ sinh tay, Phần Hướng dẫn thực hành vệ sinh tay trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Quyết định số 3916/QĐ-BYT ngày 28/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh)

Kỹ thuật vệ sinh tay thường quy

- Dùng vệ sinh tay (VST) bằng xà phòng và nước hoặc chà tay bằng dung dịch vệ sinh tay chứa cồn cần thực hiện theo kỹ thuật 6 bước:

+ Bước 1: Chà 2 lòng bàn tay vào nhau.

+ Bước 2: Chà lòng bàn tay này lên mu bàn tay kia và ngược lại.

+ Bước 3: Chà 2 lòng bàn tay vào nhau, miết mạnh các ngón tay vào các kẽ ngón.

+ Bước 4: Chà mu các ngón tay này lên lòng bàn tay kia và ngược lại (mu tay để khum khớp với lòng bàn tay).

+ Bước 5: Chà ngón cái của bàn tay này vào lòng bàn tay kia và ngược lại (lòng bàn tay ôm lấy ngón cái).

+ Bước 6: Chà các đầu ngón tay này vào lòng bàn tay kia và ngược lại.

- Khi thực hiện quy trình vệ sinh tay thường quy cần lưu ý một số điểm sau:

+ Lựa chọn đúng phương pháp vệ sinh tay.

+ Lấy đủ 3ml -5 ml dung dịch vệ sinh tay cho mỗi lần vệ sinh tay.

+ Tuân thủ đúng kỹ thuật vệ sinh tay.

+ Tuân thủ đúng thời gian vệ sinh tay

+ Không rửa lại tay bằng nước và xà phòng sau khi đã chà tay bằng dung dịch vệ sinh tay chứa cồn.

+ Tránh làm ô nhiễm lại bàn tay sau vệ sinh tay.

+ Không sử dụng máy sấy tay để làm khô tay.

Nội dung 15. Truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng theo Quyết định số 346/QĐ-BYT ngày 30/1/2015 của Bộ Y tế về việc Ban hành kế hoạch phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2020 ((tiết c): Truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng, Tiểu mục 1. **Đẩy mạnh công tác thông tin giáo dục truyền thông nhằm nâng cao trách nhiệm của các cấp chính quyền, nhận thức của người dân về phòng, chống các bệnh không lây nhiễm (KLN); Mục II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG, Phần II. Nội dung kế hoạch phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2020.**

c) Truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng

- Tổ chức họp báo, gặp mặt báo chí, cơ quan truyền thông nhằm cung cấp thông tin về các hoạt động phòng chống bệnh không lây nhiễm.
- Xây dựng các chương trình, chuyên mục, phim, thông điệp, tổ chức tọa đàm, nói chuyện, đưa tin trên các kênh truyền hình trung ương và địa phương về phòng, chống các bệnh không lây nhiễm phổ biến.
- Xây dựng các thông điệp phát thanh để tuyên truyền phòng chống các bệnh không lây nhiễm phát trên đài tiếng nói Việt Nam và trên loa truyền thanh xã/phường/thị trấn.
- Xây dựng các chuyên mục, thông điệp, bài viết đăng tải trên các báo trung ương, địa phương và các trang web thông tin điện tử của Bộ Y tế, Cục Y tế dự phòng và Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe Trung ương.
- Xây dựng thư viện điện tử về phòng chống bệnh không lây nhiễm: nơi lưu trữ các tài liệu tập huấn, truyền thông, các bài báo, bài viết...
- Duy trì trang web, cập nhật các thông tin, bài viết về phòng chống các bệnh ung thư, tăng huyết áp, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản trên trang web của các bệnh viện chuyên khoa.
- Tổ chức tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến chính sách và truyền thông về tác hại của lạm dụng đồ uống có cồn.
- Tổ chức các chương trình truyền thông đặc thù của các dự án phòng chống bệnh không lây nhiễm trên phát thanh, truyền hình và báo chí.